

TỔ CHỨC ĐƯỜNG HOA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG MỪNG XUÂN BÌNH NGỌ NĂM 2026

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	THỰC HIỆN ĐƯỜNG HOA XUÂN BÌNH NGỌ NĂM 2026 TẠI PHƯỜNG ĐẠO THẠNH VÀ PHƯỜNG CAO LÃNH				14.797.056.000	14.797.056.000	0	0	14.797.056.000	14.797.056.000	0	0	
I	ĐƯỜNG HOA XUÂN BÌNH NGỌ NĂM 2026 TẠI QUẢNG TRƯỜNG HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG ĐẠO THẠNH.				7.997.400.000	7.997.400.000	0	0	7.997.400.000	7.997.400.000	0	0	Giá dịch vụ
1	Cụm cổng chào	Đại cảnh	1	1.381.000.000	1.381.000.000	1.381.000.000			1.381.000.000	1.381.000.000			
2	Đại cảnh Sắc xuân mùa hoa	Đại cảnh	1	737.000.000	737.000.000	737.000.000			737.000.000	737.000.000			
3	Đại cảnh Hương thời gian - Xuân quê nhà	Đại cảnh	1	641.000.000	641.000.000	641.000.000			641.000.000	641.000.000			
4	Đại cảnh không gian Tết cổ truyền	Đại cảnh	1	504.000.000	504.000.000	504.000.000			504.000.000	504.000.000			
5	Sân khấu biểu diễn nghệ thuật	Đại cảnh	1	159.000.000	159.000.000	159.000.000			159.000.000	159.000.000			
6	Đại cảnh năm mới hạnh phúc	Đại cảnh	1	486.000.000	486.000.000	486.000.000			486.000.000	486.000.000			
7	Đại cảnh Đồng Tháp Khát vọng phát triển	Đại cảnh	1	524.000.000	524.000.000	524.000.000			524.000.000	524.000.000			
8	Đại cảnh Như ý Cát tường	Đại cảnh	1	486.500.000	486.500.000	486.500.000			486.500.000	486.500.000			
9	Đại cảnh Công nghiệp xanh - Nhà máy xanh	Đại cảnh	1	461.500.000	461.500.000	461.500.000			461.500.000	461.500.000			
10	Đại cảnh Vươn mình rực rỡ - Hướng đến tương lai	Đại cảnh	1	898.000.000	898.000.000	898.000.000			898.000.000	898.000.000			
11	Mái che trang trí	Gói	1	292.000.000	292.000.000	292.000.000			292.000.000	292.000.000			
12	Trang trí đèn trên cây	Gói	1	75.000.000	75.000.000	75.000.000			75.000.000	75.000.000			
13	Chi phí khác:				0	0			0	0			
13.1	Dây điện và phụ kiện liên quan: - Trụ gắn đèn chiếu sáng (dự kiến là trụ truss có chân gồm 10 trụ) - Dây điện gồm dây nguồn 6.0mm2 và dây điện 2.5mm2 có vỏ bọc, dự kiến khoảng 2500 mét dây điện - Cọc tiếp đất (15 cọc) và dây dẫn đến cọc tiếp đất - Tủ điện chính (6 cái) và tủ phụ (10 cái)- tủ điện và dây cảnh báo - Nẹp sàn nối với dây điện đi dưới đất	bộ	1	170.000.000	170.000.000	170.000.000			170.000.000	170.000.000			
13.2	Vận chuyển: - Xe tải loại thùng dài 6 mét, có mui và cửa - Bao gồm nhân công bốc dỡ hàng hóa lên xuống - Chuyển hàng đến thi công; chuyển dụng cụ, đồ nghề về sau khi hoàn tất, bàn giao; chuyển dụng cụ, đồ nghề đến tháo dỡ và chuyển vật tư, hàng hóa về sau khi hoàn tất tháo dỡ	chuyển	60	2.500.000	150.000.000	150.000.000			150.000.000	150.000.000			
14	Chi phí bảo trì, bảo dưỡng hoa, trực kỹ thuật từ 13/02/2026 đến ngày 21/02/2026	gói	1	140.000.000	140.000.000	140.000.000			140.000.000	140.000.000			
15	Chi phí ý tưởng thiết kế gồm có: - Hàng mục thiết kế phải bao gồm: + Ít nhất bố trí 8 đại cảnh, mái che, ... sao cho diện tích trang trí phủ hơn 50% diện tích quảng trường chính	gói	1	300.000.000	300.000.000	300.000.000			300.000.000	300.000.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
16	8% Thuế GTGT	gói	1	592.400.000	592.400.000	592.400.000			592.400.000	592.400.000			
II	ĐƯỜNG HOA XUÂN BÌNH NGỌ NĂM 2026 TẠI PHƯỜNG CAO LÃNH				6.799.656.000	6.799.656.000	0	0	6.799.656.000	6.799.656.000	0	0	Giá dịch vụ
1	CHI PHÍ THIẾT KẾ (Đã bao gồm thuế VAT 8%)				300.000.000	300.000.000			300.000.000	300.000.000			
2	CUNG CẤP, LẮP ĐẶT VÀ TRANG TRÍ TIÊU CẢNH, VẬT CẢNH				3.278.200.000	3.278.200.000			3.278.200.000	3.278.200.000			
1.1	Công mớ: Song mã khai xuân - Thác lộc viên mãn	Gói	1	703.000.000	703.000.000	703.000.000			703.000.000	703.000.000			
1.2	Đại cảnh Hoa đăng Phú quý & Gìn giữ văn hóa thủ công	Gói	1	380.000.000	380.000.000	380.000.000			380.000.000	380.000.000			
1.3	Đại cảnh Bình minh Thịnh Vượng	Gói	1	172.100.000	172.100.000	172.100.000			172.100.000	172.100.000			
1.4	Đại cảnh Mùa Xuân miền Sông nước	Gói	1	134.000.000	134.000.000	134.000.000			134.000.000	134.000.000			
1.5	Đại cảnh Hành trình chuyển bước Bền Vững	Gói	1	230.000.000	230.000.000	230.000.000			230.000.000	230.000.000			
1.6	Đại cảnh Dấu Ấn đất Sen hồng	Gói	1	176.000.000	176.000.000	176.000.000			176.000.000	176.000.000			
1.7	Đại cảnh Sen giữa Sắc xuân	Gói	1	563.100.000	563.100.000	563.100.000			563.100.000	563.100.000			
1.8	Tiểu cảnh - Bé Sen vui ngày Tết	Gói	1	96.000.000	96.000.000	96.000.000			96.000.000	96.000.000			
1.9	Đại cảnh Mã đáo Thành công & Cổng kết: Rạng rỡ tương lai	Gói	1	661.000.000	661.000.000	661.000.000			661.000.000	661.000.000			
1.10	Trang trí cổng Tỉnh Ủy Tỉnh Đồng Tháp (Cổng chính)	Gói	1	93.000.000	93.000.000	93.000.000			93.000.000	93.000.000			
1.11	Trang trí cổng UBND Tỉnh Đồng Tháp (Cổng Phụ)	Gói	1	70.000.000	70.000.000	70.000.000			70.000.000	70.000.000			
3	XÂY DỰNG CƠ BẢN (NHÂN CÔNG, VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG)	Gói	1	200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000			
3	CHIẾU SÁNG MỸ THUẬT	Gói	1	200.000.000	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000			
4	HOA KIỂNG VÀ CÂY				2.340.000.000	2.340.000.000			2.340.000.000	2.340.000.000			
4.1	Nhân công chăm sóc, xếp hoa, bảo dưỡng và hệ thống tưới hoa kiểng	Gói	1	120.000.000	120.000.000	120.000.000			120.000.000	120.000.000			
4.2	Hoa các loại trong đường hoa (cúc, thò, dừa cạn, kiểng lá,.....)	Gói	1	2.100.000.000	2.100.000.000	2.100.000.000			2.100.000.000	2.100.000.000			
4.3	Hoa Lan	Gói	1	120.000.000	120.000.000	120.000.000			120.000.000	120.000.000			
6	Thuế GTGT 8%	Gói	1	481.456.000	481.456.000	481.456.000			481.456.000	481.456.000			
B	CÁC HOẠT ĐỘNG MỪNG XUÂN BÌNH NGỌ NĂM 2026				8.852.157.316	6.107.379.340	914.005.440	1.830.772.536	8.585.084.539	5.800.285.238	954.026.765	1.830.772.536	
B.1	VĂN PHÒNG SỞ - SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐỒNG THÁP				4.274.171.889	4.274.171.889	0	0	4.274.171.889	4.274.171.889	0	0	
I	Chương trình nghệ thuật chào năm mới đêm giao thừa Xuân Bình Ngọ 2026				3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	Giá dịch vụ
1	Ekíp sáng tạo nghệ thuật				858.704.000	858.704.000			858.704.000	858.704.000			
1.1	Biên kịch	Hệ số	72,8	2.340.000	170.352.000	170.352.000			170.352.000	170.352.000			Điều 10, Nghị định 21/2015/NĐ-CP
1.2	Đạo diễn sân khấu	Hệ số	60,7	2.340.000	142.038.000	142.038.000			142.038.000	142.038.000			
1.3	Biên đạo múa (25 phút múa trên bản nhạc không lời, múa phụ họa, hoạt cảnh)	Gói	1	50.000.000	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000			
1.4	Hoa sĩ thiết kế Mỹ thuật sân khấu (15,2 x 2.340.000 đ)	Hệ số	15,2	2.340.000	35.568.000	35.568.000			35.568.000	35.568.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.5	Họa sỹ thiết kế phục trang (12,1 x 2.340.000 đ)	Chương trình	1	28.314.000	28.314.000	28.314.000			28.314.000	28.314.000			Điều 10, Nghị định 21/2015/NĐ-CP
1.6	Họa sỹ thiết kế đạo cụ (9,1 x 2.340.000 đ)	Chương trình	1	21.294.000	21.294.000	21.294.000			21.294.000	21.294.000			
1.7	Người thiết kế ánh sáng (12,1 x 2.340.000 đ)	Chương trình	1	28.314.000	28.314.000	28.314.000			28.314.000	28.314.000			
1.8	Người thiết kế âm thanh (6,1 x 2.340.000 đ)	Chương trình	1	14.274.000	14.274.000	14.274.000			14.274.000	14.274.000			
1.9	Nhuận bút nhạc sĩ hòa âm, phối khí (10,5 x 2.340.000 đ = 24.570.000đ/ tiết mục)	Tiết mục	15	24.570.000	368.550.000	368.550.000			368.550.000	368.550.000			
2	Kinh phí cho diễn viên, ca sĩ				835.000.000	835.000.000			835.000.000	835.000.000			
2.1	Thuê diễn viên múa chuyên nghiệp bao gồm: Luyện tập thực địa (theo kịch bản); khớp chương trình; tổng duyệt; biểu diễn	Người	50	4.500.000	225.000.000	225.000.000			225.000.000	225.000.000			
2.2	Nhóm ca sỹ chuyên nghiệp nổi tiếng từ TP. Hồ Chí Minh và các ca sỹ khác.	Gói	1	580.000.000	580.000.000	580.000.000			580.000.000	580.000.000			
2.3	Thủ lao chỉ trả cho MC dẫn chương trình	Người	2	15.000.000	30.000.000	30.000.000			30.000.000	30.000.000			
3	Sân khấu ngoài trời quy mô lớn				420.274.000	420.274.000			420.274.000	420.274.000			
3.1	Chi phí thiết kế đồ họa sân khấu (Dựng sân khấu bằng mô hình 2D, 3D chuyên nghiệp)	Gói	1	34.000.000	34.000.000	34.000.000			34.000.000	34.000.000			
3.2	Thiết kế, lắp dựng sân khấu	Gói	1	386.274.000	386.274.000	386.274.000			386.274.000	386.274.000			
4	Hiệu ứng sân khấu - công nghệ				36.437.000	36.437.000			36.437.000	36.437.000			
4.1	Máy phun khói lạnh công suất lớn Trung bình: 3,5 phút/tiết mục, phủ toàn bộ sân khấu ngoài trời Mỗi tiết mục thực hiện 03 lần giống nhau (Tổng duyệt, biểu diễn)	Gói	1	6.917.000	6.917.000	6.917.000			6.917.000	6.917.000			
4.2	Hiệu ứng khói CO2 Mỗi tiết mục thực hiện 03 lần giống nhau (Tổng duyệt, biểu diễn)	Gói	1	5.214.000	5.214.000	5.214.000			5.214.000	5.214.000			
4.3	Hiệu ứng phun xoay nghệ thuật Mỗi tiết mục thực hiện 03 lần giống nhau (Tổng duyệt, biểu diễn)	Gói	1	11.064.000	11.064.000	11.064.000			11.064.000	11.064.000			
4.4	Hiệu ứng pháo lửa Mỗi tiết mục thực hiện 3 lần giống nhau (Tổng duyệt, biểu diễn)	Gói	1	3.386.000	3.386.000	3.386.000			3.386.000	3.386.000			
4.5	Hiệu ứng Pháo giấy, pháo kim tuyến, pháo trang kim	Gói	1	3.386.000	3.386.000	3.386.000			3.386.000	3.386.000			
4.6	Chi phí vận chuyển vật liệu phục vụ sân khấu (xe 8 tấn, trong phạm vi 100km)	chuyến	5	1.294.000	6.470.000	6.470.000			6.470.000	6.470.000			
5	Màn hình Led				340.860.000	340.860.000			340.860.000	340.860.000			
5.1	Màn hình Led sân khấu	m2	300	880.000	264.000.000	264.000.000			264.000.000	264.000.000			
5.2	Màn hình led sân sân khấu	m2	100	698.000	69.800.000	69.800.000			69.800.000	69.800.000			
5.3	Máy tính điều khiển	cái	2	3.530.000	7.060.000	7.060.000			7.060.000	7.060.000			
6	Video trình chiếu chạy trên màn LED (Video clip) và nhân công trình chiếu phục vụ biểu diễn	Gói	1	105.000.000	105.000.000	105.000.000			105.000.000	105.000.000			
7	Âm thanh, ánh sáng phục vụ chương trình				244.000.000	244.000.000			244.000.000	244.000.000			
7.1	Thiết bị âm thanh	gói	1	125.000.000	125.000.000	125.000.000			125.000.000	125.000.000			
7.2	Thiết bị ánh sáng	gói	1	119.000.000	119.000.000	119.000.000			119.000.000	119.000.000			
8	Thuê Trang phục và Đạo cụ phục vụ chương trình nghệ thuật				110.000.000	110.000.000			110.000.000	110.000.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Chi phí thuê phục trang phục vụ biểu diễn: Thời gian đối với các trang phục đi thuê là 2 ngày: Sơ duyệt và tổng duyệt, biểu diễn)	ngày	2	30.000.000	60.000.000	60.000.000			60.000.000	60.000.000			Thuê là 2 ngày: Sơ duyệt và tổng duyệt, biểu diễn
2	Chi phí thuê đạo cụ phục vụ biểu diễn: Thời gian đối với các đạo cụ đi thuê: 2 ngày: Sơ duyệt và tổng duyệt, biểu diễn)	ngày	2	25.000.000	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000			
9	CÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KHÁC				49.725.000	49.725.000			49.725.000	49.725.000			
1	Đổi trọng nước (thùng nước dẫn các khung Trusk)	Gói	1	29.725.000	29.725.000	29.725.000			29.725.000	29.725.000			
2	Chi phí đi lại, ăn ở ekip, quản lý	Gói	1	20.000.000	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000			
II	Chi phí phục vụ Chương trình nghệ thuật chào năm mới đêm giao thừa Xuân Bính Ngọ 2026				210.924.000	210.924.000			210.924.000	210.924.000			Giá dịch vụ
1	Thư mời	Bộ	1.000	20.000	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000			
2	Hoa tươi để bục phát biểu	Đĩa	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000			1.500.000	1.500.000			
3	Trái thơm đồ phía trước sân khấu và lối đi đại biểu	M2	1.600	35.000	56.000.000	56.000.000			56.000.000	56.000.000			
4	Ghế đại biểu phủ vải	Cái	1.000	35.000	35.000.000	35.000.000			35.000.000	35.000.000			
5	Bàn đại biểu phủ vải	Cái	120	330.000	39.600.000	39.600.000			39.600.000	39.600.000			
6	Ghế chân quỳ (ghế đại biểu VIP)	Cái	40	400.000	16.000.000	16.000.000			16.000.000	16.000.000			
7	Hoa tươi để bàn	Đĩa	24	300.000	7.200.000	7.200.000			7.200.000	7.200.000			
8	Nước suối Lavie đại biểu	Chai	1.000	5.000	5.000.000	5.000.000			5.000.000	5.000.000			
9	Phí vận chuyển, nhân sự, lắp đặt, vận hành	Gói	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000			15.000.000	15.000.000			
10	8% Thuế GTGT (từ mức 1 đến 9)	Gói	1	15.624.000	15.624.000	15.624.000			15.624.000	15.624.000			
III	Chi phí Khai mạc đường hoa Xuân Bính Ngọ năm 2026 tại Quảng trường Hùng Vương - Phường Đạo Thạnh				155.023.200	155.023.200			155.023.200	155.023.200			Giá dịch vụ
1	Sân khấu + trái thơm đồ (5m x 12m x 0,8m)	M2	60	220.000	13.200.000	13.200.000			13.200.000	13.200.000			
2	Phông sân khấu (5m x 12m)	M2	60	220.000	13.200.000	13.200.000			13.200.000	13.200.000			
3	Âm thanh - ánh sáng	Gói	1	18.000.000	18.000.000	18.000.000			18.000.000	18.000.000			
4	Thư mời	Bộ	200	20.000	4.000.000	4.000.000			4.000.000	4.000.000			
5	Hoa tươi để bục phát biểu	Đĩa	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000			1.500.000	1.500.000			
6	Trái thơm đồ phía trước sân khấu và lối đi đại biểu	M2	300	35.000	10.500.000	10.500.000			10.500.000	10.500.000			
7	Ghế đại biểu phủ vải	Cái	180	35.000	6.300.000	6.300.000			6.300.000	6.300.000			
8	Bàn đại biểu phủ vải	Cái	28	330.000	9.240.000	9.240.000			9.240.000	9.240.000			
9	Ghế chân quỳ (ghế đại biểu VIP)	Cái	20	400.000	8.000.000	8.000.000			8.000.000	8.000.000			
10	Hoa tươi để bàn	Đĩa	12	300.000	3.600.000	3.600.000			3.600.000	3.600.000			
11	Nước suối Lavie đại biểu	Chai	200	5.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
12	Nghị thức Khai mạc	Gói	1	35.000.000	35.000.000	35.000.000			35.000.000	35.000.000			
14	Bảng thông báo hoạt động văn hóa, nghệ thuật, Thể thao và du lịch, in Hifex, khung sắt	bảng	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
15	Sơ đồ hướng dẫn đường Hoa xuân in Hifex, khung sắt	bảng	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Pháo sáng khai mạc: 02 pháo xoay phía sau và 04 pháo phía trước sân khấu chào mừng lúc bấm khai mạc	Gói	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
16	Phí vận chuyển, nhân sự, lắp đặt, vận hành	Gói	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000			15.000.000	15.000.000			
17	8% Thuế GTGT (từ mục 1 đến 16)	Gói	1	11.483.200	11.483.200	11.483.200			11.483.200	11.483.200			
IV	Chi phí Khai mạc đường hoa Xuân Bình Ngô năm 2026 tại Phường Cao Lãnh				162.583.200	162.583.200			162.583.200	162.583.200			Giá dịch vụ
1	Sân khấu + trải thảm đỏ (5m x 12m x 0,8m)	M2	60	220.000	13.200.000	13.200.000			13.200.000	13.200.000			
2	Phông sân khấu (5m x 12m)	M2	60	220.000	13.200.000	13.200.000			13.200.000	13.200.000			
3	Âm thanh - ánh sáng	Gói	1	18.000.000	18.000.000	18.000.000			18.000.000	18.000.000			
4	Thư mời	Bộ	200	20.000	4.000.000	4.000.000			4.000.000	4.000.000			
5	Hoa tươi để bục phát biểu	Đĩa	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000			1.500.000	1.500.000			
6	Trải thảm đỏ phía trước sân khấu và lối đi đại biểu	M2	300	35.000	10.500.000	10.500.000			10.500.000	10.500.000			
7	Ghế đại biểu phủ vải	Cái	180	35.000	6.300.000	6.300.000			6.300.000	6.300.000			
8	Bàn đại biểu phủ vải	Cái	28	330.000	9.240.000	9.240.000			9.240.000	9.240.000			
9	Ghế chân quỳ (ghế đại biểu VIP)	Cái	20	400.000	8.000.000	8.000.000			8.000.000	8.000.000			
10	Hoa tươi để bàn	Đĩa	12	300.000	3.600.000	3.600.000			3.600.000	3.600.000			
11	Nước suối Lavie đại biểu	Chai	200	5.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
12	Nghỉ thức Khai mạc	Gói	1	35.000.000	35.000.000	35.000.000			35.000.000	35.000.000			
13	Bảng thông báo hoạt động văn hóa, nghệ thuật, Thể thao và du lịch, in Hifex, khung sắt	bảng	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
14	Sơ đồ hướng dẫn đường Hoa xuân in Hifex, khung sắt	bảng	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
15	Pháo sáng khai mạc: 02 pháo xoay phía sau và 04 pháo phía trước sân khấu chào mừng lúc bấm khai mạc	Gói	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
16	Phí vận chuyển, nhân sự, lắp đặt, vận hành	Gói	1	22.000.000	22.000.000	22.000.000			22.000.000	22.000.000			
17	8% Thuế GTGT (từ mục 1.1 đến 1.15)	Gói	1	12.043.200	12.043.200	12.043.200			12.043.200	12.043.200			
V	Hoạt động tại Đường hoa mừng xuân Bình ngô năm 2026 tại Quảng trường Hùng vương, Phường Đạo Thạnh: Ông Đồ				60.480.000	60.480.000			60.480.000	60.480.000			Giá dịch vụ
1	Nhân sự làm ông đồ (1 người) và tò he (1 người): - Làm việc 1 ngày có 2 ca, sáng từ 9h-11h, tối từ 18h-21h (chỉ biểu diễn và được bán khi có khách mua hàng) làm từ ngày 13-21/2 (9 ngày)	gói	1	56.000.000	56.000.000	56.000.000			56.000.000	56.000.000			
2	8% Thuế GTGT	gói	1	4.480.000	4.480.000	4.480.000			4.480.000	4.480.000			
VI	Chi phí gửi thư mời				112.000.000	112.000.000	0	0	112.000.000	112.000.000	0	0	
1	Chi phí gửi thư mời Chương trình nghệ thuật chào năm mới đêm giao thừa Xuân Bình Ngô 2026	Thư mời	1.000	80.000	80.000.000	80.000.000			80.000.000	80.000.000			
2	Chi phí gửi thư mời Khai mạc đường hoa Xuân Bình Ngô năm 2026 tại Quảng trường Hùng Vương - Phường Đạo Thạnh	Thư mời	200	80.000	16.000.000	16.000.000			16.000.000	16.000.000			
3	Chi phí gửi thư mời Khai mạc đường hoa Xuân Bình Ngô năm 2026 tại Phường Cao Lãnh	Thư mời	200	80.000	16.000.000	16.000.000			16.000.000	16.000.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
VII	Chi phí lập hồ sơ mời thầu				114.000.000	114.000.000	0	0	114.000.000	114.000.000	0	0	
1	Chi phí Lập HSMT và thẩm định HSMT Gói thầu Cung cấp dịch vụ tổ chức Đường hoa mừng xuân Bình Ngô năm 2026 tại Quảng trường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh.	Gói	1	51.000.000	51.000.000	51.000.000			51.000.000	51.000.000			Giá dịch vụ
2	Chi phí Lập HSMT và thẩm định HSMT Gói thầu Cung cấp dịch vụ tổ chức Đường hoa mừng xuân Bình Ngô năm 2026 tại Phường Cao Lãnh	Gói	1	45.000.000	45.000.000	45.000.000			45.000.000	45.000.000			Giá dịch vụ
3	Chi phí Lập HSMT và thẩm định HSMT Gói thầu Tổ chức Chương trình nghệ thuật chào năm mới xuân Bình Ngô năm 2026 tại Quảng trường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh.	Gói	1	18.000.000	18.000.000	18.000.000			18.000.000	18.000.000			Giá dịch vụ
VIII	Chi phí khác				459.161.489	459.161.489	0	0	459.161.489	459.161.489	0	0	
1	Bảo vệ Công trình trang trí cụm tiểu cảnh mừng xuân Bình Ngô năm 2026 tại Quảng trường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh.	Gói	1	108.378.000	108.378.000	108.378.000			108.378.000	108.378.000			Giá dịch vụ
2	Bảo vệ Công trình trang trí cụm tiểu cảnh mừng xuân Bình Ngô năm 2026 tại Phường Cao Lãnh	Gói	1	108.378.000	108.378.000	108.378.000			108.378.000	108.378.000			Giá dịch vụ
3	Vệ sinh cụm tiểu cảnh mừng xuân Bình Ngô năm 2026 tại Phường Cao Lãnh.	Gói	1	54.378.000	54.378.000	54.378.000			54.378.000	54.378.000			Giá dịch vụ
4	Trụ cột và dây cảnh báo giăng xung quanh cạcsi đại cảnh và tiểu cảnh trang trí đường hoa Xuân Bình Ngô 2026 (trong thời gian thi công và tháo dỡ) tại Đường hoa Phường Cao Lãnh.	Mét	500	100.000	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000			Giá dịch vụ
5	Vận chuyển và trực máy phát điện phục vụ cấp điện cho Chương trình nghệ thuật chào năm mới Bình Ngô 2026 tại Quảng trường Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh.	Gói	1	21.304.479	21.304.479	21.304.479			21.304.479	21.304.479			Giá dịch vụ
6	Chi phí tiền điện và nước sử dụng phục vụ Đường hoa Xuân Bình ngo năm 2026 tại Phường Cao Lãnh.	Gói	1	54.000.000	54.000.000	54.000.000			54.000.000	54.000.000			chưa cung cấp báo giá
7	Thuê xe ô tô 07 chỗ từ Phường Đạo Thạnh đến Phường Cao Lãnh phục vụ công tác tổ chức Đường hoa Xuân Bình Ngô năm 2026.	Chuyến	5	1.932.602	9.663.010	9.663.010			9.663.010	9.663.010			Giá dịch vụ
8	100 ghế nhựa phục vụ chương trình hoạt động đường hoa (bao gồm công lắp đặt, thu dọn và thuế VAT)	Đêm	3	1.620.000	4.860.000	4.860.000			4.860.000	4.860.000			Giá dịch vụ
9	Photo, in màu hồ sơ thiết kế	Bộ	10	200.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			Giá dịch vụ
10	Tiền trực Ban tổ chức và phục vụ trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát các hoạt động mừng Xuân Bình Ngô năm 2026 tại Quảng trường Hùng Vương Phường Đạo Thạnh và Phường Cao Lãnh.				46.200.000	46.200.000			46.200.000	46.200.000			
10.1	Cả ngày: 09 ngày * 15 người	Ngày	135	200.000	27.000.000	27.000.000			27.000.000	27.000.000			
10.2	Cả đêm:08 đêm * 12 người	Đêm	96	200.000	19.200.000	19.200.000			19.200.000	19.200.000			
B.2	TRUNG TÂM VĂN HÓA TỈNH				1.177.331.796	546.026.356	631.305.440	0	1.108.928.411	477.628.046	631.300.365	0	
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT KHAI MẠC ĐƯỜNG HOA MỪNG XUÂN BÌNH NGỌ 2026 (ĐƯỜNG HOA MỸ THO)				59.694.000	0	59.694.000		59.691.560	0	59.691.560		
1	Chi phí xây dựng chương trình				12.700.000	0	12.700.000		12.700.000	0	12.700.000		Giá dịch vụ
	Phối và tập bài hát mới	Bài	3	1.500.000	4.500.000		4.500.000		4.500.000		4.500.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Dàn dựng tiết mục hát múa	Tiết mục	4	800.000	3.200.000		3.200.000		3.200.000		3.200.000		
	Clip chiếu màn hình led	Clip	4	1.000.000	4.000.000		4.000.000		4.000.000		4.000.000		
	Thu demo	Bài	2	500.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		
2	Chi phí thuê tăng cường phục trang, đạo cụ	Gói	1	23.470.000	23.470.000		23.470.000		23.470.000		23.470.000		Giá dịch vụ
3	Các khoản chi bồi dưỡng				22.360.000	0	22.360.000		22.360.000	0	22.360.000		
	Bồi dưỡng diễn viên, tập dợt: 14 người x 06 buổi (8 ca, 6 múa)	Người	84	80.000	6.720.000		6.720.000		6.720.000		6.720.000		QĐ số 14/2015/QĐ-TTg
	Bồi dưỡng diễn viên biểu diễn: 14 người x 01 buổi (8 ca, 6 múa)	Người	14	160.000	2.240.000		2.240.000		2.240.000		2.240.000		
	Lực lượng kỹ thuật tập dợt: (06 người x 03 buổi)	Người	18	50.000	900.000		900.000		900.000		900.000		
	Thuê tăng cường CTV tập dợt và biểu diễn: 12 người	Người	12	1.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000		12.000.000		Giá dịch vụ
	Chi phí BD dẫn chương trình	Người	1	500.000	500.000		500.000		500.000		500.000		Giá dịch vụ
4	Chi phí khác				1.164.000	0	1.164.000		1.161.560	0	1.161.560		
	Chi phí nhiên liệu xe tải lớn vận chuyển trang thiết bị,.... (từ Nam kỳ khởi nghĩa, Phường Đạo Thạnh TTVH - đến Quảng trường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh): 3km/ lượt đi về x 6 lượt = 18 km x 0,24%= 4 lít	Lít	4	20.390	84.000		84.000		81.560		81.560		
	Tiền mua pin tập dợt và biểu diễn cho thiết bị AT,AS (pin chuyên dùng PANASONIC ALKALINE)	Hộp	3	360.000	1.080.000		1.080.000		1.080.000		1.080.000		
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT KHAI MẠC ĐƯỜNG HOA MỪNG XUÂN BÌNH NGỌ 2026 - (ĐƯỜNG HOA CAO LÃNH)				56.631.000	56.631.000	0		56.343.690	56.343.690	0		
1	Chi phí xây dựng chương trình				9.700.000	9.700.000			9.700.000	9.700.000			Giá dịch vụ
	Phối và tập bài hát mới	Bài	2	1.500.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
	Dàn dựng tiết mục hát múa	Tiết mục	4	800.000	3.200.000	3.200.000			3.200.000	3.200.000			
	Clip chiếu màn hình led	Clip	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
	Thu demo	Bài	1	500.000	500.000	500.000			500.000	500.000			
2	Chi phí thuê tăng cường phục trang	Gói	1	14.080.000	14.080.000	14.080.000			14.080.000	14.080.000			Giá dịch vụ
3	Các khoản chi bồi dưỡng				20.200.000	20.200.000			20.200.000	20.200.000			
	Bồi dưỡng diễn viên, tập dợt: 5 người x 05 buổi (5 ca)	Người	25	80.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			QĐ số 14/2015/QĐ-TTg
	Bồi dưỡng diễn viên biểu diễn: 5 người x 01 buổi (5 ca)	Người	5	160.000	800.000	800.000			800.000	800.000			
	Lực lượng kỹ thuật tập dợt: (06 người x 03 buổi)	Người	18	50.000	900.000	900.000			900.000	900.000			
	Thuê tăng cường CTV tập dợt và biểu diễn: 16 người	Người	16	1.000.000	16.000.000	16.000.000			16.000.000	16.000.000			Giá dịch vụ
	Chi phí BD dẫn chương trình	Người	1	500.000	500.000	500.000			500.000	500.000			Giá dịch vụ
4	Chi phí khác				12.651.000	12.651.000			12.363.690	12.363.690			
	Chi phí nhiên liệu xe 47 chỗ đưa đón diễn viên,.... (từ Phường Đạo Thạnh TTVH - đến phường Cao Lãnh): 110km/ lượt đi về x 4 lượt = 760km x 0,38% = 289 lít	Lít	289	20.390	6.069.000	6.069.000			5.892.710	5.892.710			
	Chi phí nhiên liệu xe tải lớn vận chuyển trang thiết bị,.... (từ Phường Đạo Thạnh TTVH - đến phường Cao Lãnh): 190km/ lượt đi về x 4 lượt = 760km x 0,24%= 182 lít	Lít	182	20.390	3.822.000	3.822.000			3.710.980	3.710.980			
	Phí cầu đường (xe 47 chỗ 4 lượt: 170.000đ; xe tải lớn 4 lượt: 170.000đ; xe tải nhỏ 4 lượt: 170.000/ lượt)	Lượt	12	170.000	2.040.000	2.040.000			2.040.000	2.040.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tiền mua pin tập dợt và biểu diễn cho thiết bị AT,AS (pin chuyên dùng PANASONIC ALKALINE)	Hộp	2	360.000	720.000	720.000			720.000	720.000			
III	CHƯƠNG TRÌNH BIỂU DIỄN CÁC NHÓM NHẠC (90 PHÚT) (Ngày 27 AL)				74.090.000	0	74.090.000		74.090.000	0	74.090.000		Bảo giá
1	XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH				600.000	0	600.000		600.000	0	600.000		
1.2	Chỉ đạo nghệ thuật	Người/buổi	1	200.000	200.000		200.000		200.000		200.000		
1.5	Dẫn chương trình	Người	2	200.000	400.000		400.000		400.000		400.000		
2	CÁC KHOẢN CHI BỒI DƯỠNG				58.490.000	0	58.490.000		58.490.000	0	58.490.000		
2.1	Nhóm nhạc trong tỉnh (khoán 05 bài/nhóm)	Nhóm	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000		15.000.000		15.000.000		
2.2	Nhóm nhạc ngoài tỉnh, TP. HCM (khoán 05 bài/nhóm)	Nhóm	2	18.000.000	36.000.000		36.000.000		36.000.000		36.000.000		
2.3	Trống Jazz (thuê)	Bộ	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000		5.000.000		
2.4	Bồi dưỡng ảo thuật tập dợt và biểu diễn (120.000đ/buổi tập x 2 buổi + 240.000đ/buổi diễn x 2 người)	người	2	480.000	960.000		960.000		960.000		960.000		
2.5	Bồi dưỡng tập dượt lực lượng phục vụ, sắp xếp bàn ghế, vệ sinh trật tự.... (02 buổi)	Người	6	35.000	210.000		210.000		210.000		210.000		
2.6	Bồi dưỡng biểu diễn lực lượng phục vụ, sắp xếp bàn ghế, vệ sinh trật tự..... (01 buổi)	Người	6	80.000	480.000		480.000		480.000		480.000		
2.7	Kỹ thuật (nhạc công) biểu diễn	Người	1	120.000	120.000		120.000		120.000		120.000		
2.8	Tiền mua pin tập dợt và biểu diễn cho thiết bị AT,AS (pin chuyên dùng PANASONIC ALKALINE)	Hộp	2	360.000	720.000		720.000		720.000		720.000		
3	Visule (chương trình khoảng 15 bài)	bài	15	1.000.000	15.000.000		15.000.000		15.000.000		15.000.000		
IV	CHI PHÍ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT TỔNG HỢP CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 96 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (03/02/1930 - 03/02/2026) VÀ MỪNG XUÂN BÌNH NGỌ 2026 - (MỪNG 01 TẾT)				59.980.720	0	59.980.720		59.980.720	0	59.980.720		
1	Chi phí xây dựng chương trình				12.700.000	0	12.700.000		12.700.000	0	12.700.000		Bảo giá
	Phối và tập bài hát mới	Bài	3	1.500.000	4.500.000		4.500.000		4.500.000		4.500.000		
	Dàn dựng tiết mục hát múa	Tiết mục	4	800.000	3.200.000		3.200.000		3.200.000		3.200.000		
	Clip chiếu màn hình led	Clip	4	1.000.000	4.000.000		4.000.000		4.000.000		4.000.000		
	Thu demo	Bài	2	500.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		
2	Chi phí thuê tăng cường phục trang				21.470.000		21.470.000		21.470.000		21.470.000		
3	Các khoản chi bồi dưỡng				25.000.000	0	25.000.000		25.000.000	0	25.000.000		
	Bồi dưỡng diễn viên, tập dợt: 20 người x 06 buổi (14 ca, 6 múa)	Người	120	80.000	9.600.000		9.600.000		9.600.000		9.600.000		QĐ số 14/2015/QĐ-TTg
	Bồi dưỡng diễn viên biểu diễn: 20 người x 01 buổi (14 ca, 6 múa)	Người	20	160.000	3.200.000		3.200.000		3.200.000		3.200.000		
	Lực lượng kỹ thuật tập dợt: (06 người x 03 buổi)	Người	18	50.000	900.000		900.000		900.000		900.000		
	Thuê tăng cường CTV tập dợt và biểu diễn: 9 người	Người	9	1.200.000	10.800.000		10.800.000		10.800.000		10.800.000		
	Chi phí BD dẫn chương trình	Người	1	500.000	500.000		500.000		500.000		500.000		
4	Chi phí khác				810.720	0	810.720		810.720	0	810.720		
	Chi phí nhiên liệu xe tải lớn vận chuyển trang thiết bị,... (từ Nam kỳ khởi nghĩa, Phường Đạo Thanh TTVH - đến Quảng trường Hùng Vương, phường Đạo Thanh): 3 km/ lượt đi về x 6 lượt = 18 km x 0,24%= 4,32 lít	Lít	4,32	21.000	90.720		90.720		90.720		90.720		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tiền mua pin tập dợt và biểu diễn cho thiết bị AT,AS (pin chuyên dùng PANASONIC ALKALINE)	Hộp	2	360.000	720.000		720.000		720.000		720.000		
V	XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH XIẾC - ÁO THUẬT - NHÓM NHẢY (thời lượng 90 phút) (Mùng 2 Tết)				74.910.000	-	74.910.000		74.910.000	-	74.910.000		
1	XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH				600.000	-	600.000		600.000	-	600.000		Bảo giá
1.2	Chỉ đạo nghệ thuật	Người/buổi	1	200.000	200.000		200.000		200.000		200.000		
1.5	Dẫn chương trình	Người	2	200.000	400.000		400.000		400.000		400.000		
2	CÁC KHOẢN CHI BỒI DƯỠNG				59.310.000	-	59.310.000		59.310.000	-	59.310.000		Bảo giá
2.1	Áo thuật, xiếc (trong tỉnh)	Người	5	1.500.000	7.500.000		7.500.000		7.500.000		7.500.000		
2.2	Áo thuật, xiếc (TPHCM)	Người	2	8.500.000	17.000.000		17.000.000		17.000.000		17.000.000		
2.3	Nhóm nhảy	Nhóm	2	12.000.000	24.000.000		24.000.000		24.000.000		24.000.000		
	Thuê tăng cường CTV tập dợt và biểu diễn ca nhạc: 10 người	Người	10	1.000.000	10.000.000		10.000.000		10.000.000		10.000.000		
2.4	Bồi dưỡng tập dượt lực lượng hậu đài phục vụ, sắp xếp bàn ghế, vệ sinh trật tự..... (02 buổi)	Người	6	35.000	210.000		210.000		210.000		210.000		
2.5	Bồi dưỡng biểu diễn lực lượng hậu đài phục vụ, sắp xếp bàn ghế, vệ sinh trật tự..... (01 buổi)	Người	6	80.000	480.000		480.000		480.000		480.000		
2.6	Kỹ thuật (nhạc công) biểu diễn	Người	1	120.000	120.000		120.000		120.000		120.000		
3	Visule (chương trình khoảng 11 bài)		bài	15	1.000.000		15.000.000		15.000.000		15.000.000		
VI	CHI PHÍ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT TỔNG HỢP CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 96 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (03/02/1930 - 03/02/2026) VÀ MỪNG XUÂN BÌNH NGỌ 2026 - (MỪNG 03 TẾT)				74.930.720	0	74.930.720		74.928.085	0	74.928.085		
1	Chi phí xây dựng chương trình				16.500.000	0	16.500.000		16.500.000	0	16.500.000		Bảo giá
	Phối và tập bài hát mới	Bài	4	1.500.000	6.000.000		6.000.000		6.000.000		6.000.000		
	Dàn dựng tiết mục hát múa	Tiết mục	5	800.000	4.000.000		4.000.000		4.000.000		4.000.000		
	Clip chiếu màn hình led	Clip	5	1.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000		5.000.000		
	Thu demo	Bài	3	500.000	1.500.000		1.500.000		1.500.000		1.500.000		
2	Chi phí thuê tăng cường phục trang, đạo cụ		Gói	1	32.620.000		32.620.000		32.620.000		32.620.000		
3	Các khoản chi bồi dưỡng				25.000.000	0	25.000.000		25.000.000	0	25.000.000		
	Bồi dưỡng diễn viên, tập dợt: 20 người x 06 buổi (14 ca, 6 múa)	Người	120	80.000	9.600.000		9.600.000		9.600.000		9.600.000		QĐ số 14/2015/QĐ-TTg
	Bồi dưỡng diễn viên biểu diễn: 20 người x 01 buổi (14 ca, 6 múa)	Người	20	160.000	3.200.000		3.200.000		3.200.000		3.200.000		
	Lực lượng kỹ thuật tập dợt: (06 người x 03 buổi)	Người	18	50.000	900.000		900.000		900.000		900.000		
	Thuê tăng cường CTV tập dợt và biểu diễn: 9 người	Người	9	1.200.000	10.800.000		10.800.000		10.800.000		10.800.000		Bảo giá
	Chi phí BD dẫn chương trình	Người	1	500.000	500.000		500.000		500.000		500.000		
4	Chi phí khác				810.720	-	810.720		808.085	-	808.085		
	Chi phí nhiên liệu xe tải vận chuyển trang thiết bị,.... (từ Nam kỳ khởi nghĩa, Phường Đạo Thanh TTVH - đến Quảng trường Hùng Vương, phường Đạo Thanh): 3 km/ lượt đi về x 6 lượt = 18 km x 0,24%= 4,32 lít	Lít	4,32	20.390	90.720		90.720		88.085		88.085		
	Tiền mua pin tập dợt và biểu diễn cho thiết bị AT,AS (pin chuyên dùng PANASONIC ALKALINE)	Hộp	2	360.000	720.000		720.000		720.000		720.000		
VII	DỰ TRÙ KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU TRÍCH ĐOẠN CẢI LƯƠNG (MỪNG 4 TẾT 2026)				98.000.000	-	98.000.000		98.000.000	-	98.000.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Xây dựng chương trình				36.050.000	-	36.050.000		36.050.000	-	36.050.000		<i>Bảo giá</i>
1.1	Chịu trách nhiệm xây dựng nội dung chương trình nghệ thuật	Người	1	300.000	300.000		300.000		300.000		300.000		
1.2	Chỉ đạo nghệ thuật ca múa nhạc	Người/buổi	1	200.000	200.000		200.000		200.000		200.000		
1.3	Đạo diễn Chắp cải lương	Chắp	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000		3.000.000		3.000.000		
1.4	Biên tập chương trình	Người	1	150.000	150.000		150.000		150.000		150.000		
1.5	Điều động đêm diễn	Người	1	100.000	100.000		100.000		100.000		100.000		
1.6	Dàn dựng tiết mục hát múa	Tiết mục	2	400.000	800.000		800.000		800.000		800.000		
1.7	Phối nhạc chắp cải lương	Chắp	3	3.000.000	9.000.000		9.000.000		9.000.000		9.000.000		
1.8	Thiết kế poster Nghệ sỹ	Tấm	2	750.000	1.500.000		1.500.000		1.500.000		1.500.000		
1.9	In và treo poster nghệ sỹ tại Quảng trường	Tấm	6	1.000.000	6.000.000		6.000.000		6.000.000		6.000.000		
1.10	Thuê Phục trang, Đạo cụ	Chương trình	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000		15.000.000		15.000.000		
2	Các khoản chi bồi dưỡng				61.590.000	-	61.590.000		61.590.000	-	61.590.000		
2.1	Bồi dưỡng diễn viên, nhạc công tập dợt: 08 người x 10 buổi (06 cải lương, 02 nhạc công)	Người	80	80.000	6.400.000		6.400.000		6.400.000		6.400.000		<i>QĐ số 14/2015/QĐ-TTg</i>
2.2	Bồi dưỡng diễn viên, nhạc công biểu diễn: 08 người x 01 buổi (06 cải lương, 02 nhạc công)	Người	8	160.000	1.280.000		1.280.000		1.280.000		1.280.000		
2.3	Bồi dưỡng biểu diễn 02 trích đoạn cải lương (01 Nghệ sỹ nhân dân, 03 nghệ sỹ TPHCM)	Tr/đoạn	2	24.000.000	48.000.000		48.000.000		48.000.000		48.000.000		<i>Bảo giá</i>
2.4	Bồi dưỡng CTV múa biểu diễn: 03 người x 01 buổi	Người	3	600.000	1.800.000		1.800.000		1.800.000		1.800.000		
2.5	Bồi dưỡng CTV Đờn : 02 người x 01 buổi	Người	2	1.000.000	2.000.000		2.000.000		2.000.000		2.000.000		
2.6	Bồi dưỡng âm thanh, ánh sáng tập dợt (03 người x 05 buổi)	Buổi	15	50.000	750.000		750.000		750.000		750.000		<i>QĐ số 14/2015/QĐ-TTg</i>
2.7	Bồi dưỡng âm thanh, ánh sáng biểu diễn (04 người x 01 buổi)	Người	4	120.000	480.000		480.000		480.000		480.000		
2.8	Bồi dưỡng lực lượng phục vụ buổi diễn (tạp vụ, xếp bàn ghế...)	Người	6	80.000	480.000		480.000		480.000		480.000		
2.10	Bồi dưỡng dẫn chương trình buổi biểu diễn (02 người x 01 buổi)	Người	2	200.000	400.000		400.000		400.000		400.000		<i>Bảo giá</i>
3	Chi phí khác				360.000	-	360.000		360.000	-	360.000		
	Pin tập dợt	Hộp	1	360.000	360.000		360.000		360.000		360.000		
VIII	THUÊ SÂN KHẤU, ÂM THANH, ÁNH SÁNG, MÀN HÌNH LED THỰC HIỆN CHUỖI HOẠT ĐỘNG (từ 13/02/2026 đến 20/02/2026)	Gói	1	250.480.000	250.480.000	250.480.000			250.480.000	250.480.000			<i>Giá dịch vụ</i>
IX	TUYÊN TRUYỀN CỘNG ĐỘNG TRỰC QUAN				111.300.000	-	111.300.000		111.300.000	-	111.300.000		<i>Giá dịch vụ</i>
1	Vận chuyển, lắp đặt, tháo gỡ và trang trí ụ cờ 07 màu	Ụ	28	600.000	16.800.000		16.800.000		16.800.000		16.800.000		
2	In, treo, tháo gỡ và vận chuyển phướn khẩu hiệu (kích thước 0.7m x 2.0m)	Lá	300	130.000	39.000.000		39.000.000		39.000.000		39.000.000		
3	In, treo, tháo gỡ và vận chuyển 10 Pano (2m x 3m)	M2	60	185.000	11.100.000		11.100.000		11.100.000		11.100.000		
4	In, treo, tháo gỡ và vận chuyển 10 Pano (4m x 6m)	M2	240	185.000	44.400.000		44.400.000		44.400.000		44.400.000		
X	CHI VẬT TƯ CHUYÊN NGÀNH TRANG TRÍ TẾT	Cuộc	1	30.000.000	30.000.000		30.000.000		30.000.000		30.000.000		<i>Đề nghị sử dụng từ nguồn kinh phí chi</i>

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
XI	TRIỂN LÃM HOA KIẾNG, TRANG TRÍ TIÊU CẢNH TẾT	Cuộc	1	40.000.000	40.000.000		40.000.000		40.000.000		40.000.000		thường xuyên giao tự chủ của đơn vị để thực hiện
XII	PHỤC VỤ TẾT NGUYỄN ĐÁN BÌNH NGỌ TẠI QUẢNG TRƯỜNG HÙNG VƯƠNG				247.315.356	238.915.356	8.400.000		179.204.356	170.804.356	8.400.000		
1	Vệ sinh (cất cỏ) khu vực sân khấu phục vụ Tết Nguyên đán	m2	56.537	1.282,60	72.514.356	72.514.356			72.514.356	72.514.356			
2	Dọn dẹp vệ sinh trước, trong và sau Tết Nguyên đán phục vụ nhân dân thường lãm Cụm tiêu cảnh Tết 10 ngày (từ ngày 13/02/2025 đến 24 giờ ngày 22/02/2026 (nhằm từ ngày 26 tháng Chạp Âm lịch đến Mùng 6 Tết)				104.401.000	104.401.000			98.290.000	98.290.000			Báo giá
	Lắp đặt thùng rác	Thùng	40	250.000	4.950.000	4.950.000			10.000.000	10.000.000			
	Thu gom, vận chuyển rác	Tấn	70	300.000	15.400.000	15.400.000			21.000.000	21.000.000			
	Xử lý rác	Tấn	80	71.000	4.851.000	4.851.000			5.680.000	5.680.000			
	Công quét dọn	Công	60	505.000	34.650.000	34.650.000			30.300.000	30.300.000			
	Công gom rác	Công	62	505.000	44.550.000	44.550.000			31.310.000	31.310.000			
3	Nhà vệ sinh: 10 ngày (từ ngày 13/02/2025 đến 24 giờ ngày 22/02/2026 (nhằm từ ngày 26 tháng Chạp Âm lịch đến Mùng 6 Tết)				62.000.000	62.000.000			-	-			không thực hiện
	Đã bao gồm: Phí vận chuyển; Phí hút hầm cầu; Phí nước sinh hoạt; Phí điện chiếu sáng bên trong; Công lắp, tháo; các vật dụng đi kèm: nước rửa tay, thùng mini, khăn giấy)	Cái	10	5.200.000	52.000.000	52.000.000			0	0			
	Nhân công dọn dẹp nhà vệ sinh (10 ngày x 2 người)	Ngày	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000			0	0			
4	Bồi dưỡng viên chức trực phục vụ nhạc nước				8.400.000	-	8.400.000		8.400.000	-	8.400.000		
	Trực đêm phục vụ nhạc nước: 10 đêm x 1 ca x 2 người (từ ngày 13/02 đến ngày 22/02/2026	Người	20	150.000	3.000.000		3.000.000		3.000.000		3.000.000		
	Trực ngoài giờ: 9 ngày x 2 ca x 2 người (từ ngày 14/02 đến ngày 22/02/2026)	Người	36	150.000	5.400.000		5.400.000		5.400.000		5.400.000		
B.3	TRUNG TÂM XÚC TIẾN DU LỊCH				120.712.000	120.712.000	0	0	120.712.000	120.712.000	0	0	
I	Trung bày tại Quảng trường Hùng Vương				105.112.000	105.112.000	0	0	105.112.000	105.112.000	0	0	
1	Tiền thuê xe tải vận chuyển Ảnh và giá ảnh	Chuyến	2	800.000	1.600.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000			Báo giá
2	Rửa ảnh KTS format 60cm x 90cm	Tấm	120	291.600	34.992.000	34.992.000			34.992.000	34.992.000			
3	Khung ảnh	Khung	120	486.000	58.320.000	58.320.000			58.320.000	58.320.000			
4	Trực, quản lý Triển lãm ngoài giờ làm việc (Tết) (4 người (ban ngày 2 người, tối 2 người) x 9 ngày	Ngày	36	200.000	7.200.000	7.200.000			7.200.000	7.200.000			
5	Thuê công khiêng giá ảnh và các trang thiết bị tại Trung tâm Xúc tiến Du lịch và đến Quảng Trường Hùng Vương, phường Cao Lãnh (đi và về)	Công	10	200.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			
5	Vật tư trưng bày (dây chì, ốc vít, dây rút, đinh sắt...)	Gói	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
II	Trung bày tại Phường Cao Lãnh				15.600.000	15.600.000	0	0	15.600.000	15.600.000	0	0	
1	Tiền thuê xe tải vận chuyển Ảnh và giá ảnh	Chuyến	2	2.500.000	5.000.000	5.000.000			5.000.000	5.000.000			Báo giá
2	Tiền xe (7 chỗ) chở viên chức đi trưng bày	Chuyến	2	1.700.000	3.400.000	3.400.000			3.400.000	3.400.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Trực, quản lý Triển lãm ngoài giờ làm việc (Tết) (4 người (ban ngày 2 người, tối 2 người) x 9 ngày	Ngày	36	200.000	7.200.000	7.200.000			7.200.000	7.200.000			
B.4	THƯ VIỆN				119.000.000	0	119.000.000	0	113.380.000	0	113.380.000	0	
I	Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, phục vụ sách báo xuân năm 2026 tại Thư viện (tại Trụ sở chính)				59.800.000	0	59.800.000		57.000.000	0	57.000.000		
1	Mua báo Xuân phục vụ Hội báo xuân tại Thư viện	cuốn	70	50.000	3.500.000		3.500.000		3.500.000		3.500.000		
2	Thuê âm thanh tổ chức khai mạc chương trình Xuân	gói	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000		5.000.000		
3	Phông sân khấu khai mạc Hội báo xuân	cái	1	2.500.000	2.500.000		2.500.000		2.500.000		2.500.000		
4	Thuê khoán chương trình văn nghệ khai mạc Hội báo xuân	tiết mục	3	1.000.000	3.000.000		3.000.000		3.000.000		3.000.000		
5	Nước uống đại biểu dự Hội báo xuân (dự kiến 200 người)	thùng	9	80.000	720.000		720.000		720.000		720.000		
6	Bồi dưỡng ca trực ngoài giờ phục vụ Hội Báo Xuân, không gian phục vụ bạn đọc và tổ chức 03 hoạt động đọc sách, trải nghiệm, thực hành từ sách trong chương trình xuân: 05 người x 4 ca (dự kiến buổi tối các ngày từ 10/02 đến 13/02/2026)	người/ca	20	200.000	6.000.000		6.000.000		4.000.000		4.000.000		
7	Bồi dưỡng ca trực ngoài giờ phục vụ Hội Báo Xuân, không gian phục vụ bạn đọc và tổ chức hoạt động đọc sách, thực hành từ sách trong chương trình xuân: 02 người x 04 ca (dự kiến các ngày từ 14/2 đến 15/02/2026)	người/ca	8	200.000	2.400.000		2.400.000		1.600.000		1.600.000		
8	Mua đèn bổ sung, thuê công gắn đèn điện trang trí ngoài sân phục vụ Hội báo xuân	chương trình	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000		5.000.000		
9	Thiết kế, thi công, trang trí Hội báo xuân	gói	1	8.000.000	8.000.000		8.000.000		8.000.000		8.000.000		
10	Thiết kế, thi công tiểu cảnh ngày Tết, chủ đề triển lãm	gói	1	17.680.000	17.680.000		17.680.000		17.680.000		17.680.000		
11	In đề, nguyên vật liệu tổ chức hoạt động đọc sách, trải nghiệm, thực hành từ sách: cờ vua vận động, trò chơi dân gian, làm bánh mứt tết, làm thiệp chúc xuân, sản phẩm từ vật liệu tái chế...	hoạt động	4	1.500.000	6.000.000		6.000.000		6.000.000		6.000.000		
II	Trung bày sách, báo, tài liệu, tổ chức hoạt động đọc sách, trải nghiệm, thực hành từ sách phục vụ nhân dân nhân dịp mừng Đảng - mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026 (tại cơ sở 1)				30.000.000	0	30.000.000		27.200.000	0	27.200.000		
1	Thiết kế, thi công, trang trí không gian trưng bày tài liệu	gói	1	9.000.000	9.000.000		9.000.000		9.000.000		9.000.000		
2	Mua hoa tươi, trang trí tại không gian trưng bày tài liệu	gói	1	3.600.000	3.600.000		3.600.000		3.600.000		3.600.000		
3	Mua đèn bổ sung, thuê công gắn đèn điện trang trí ngoài sân phục vụ chương trình mừng Đảng - mừng Xuân	chương trình	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000		3.000.000		3.000.000		
4	In đề, nguyên vật liệu tổ chức hoạt động đọc sách, trải nghiệm, thực hành từ sách: cờ vua vận động, trò chơi dân gian, làm bánh mứt tết, làm thiệp chúc xuân, sản phẩm từ vật liệu tái chế...	hoạt động	4	1.500.000	6.000.000		6.000.000		6.000.000		6.000.000		
5	Bồi dưỡng ca trực ngoài giờ phục vụ trưng bày sách, báo, không gian phục vụ bạn đọc và tổ chức 03 hoạt động đọc sách, trải nghiệm, thực hành từ sách trong chương trình xuân gồm: 05 người x 4 ca (dự kiến buổi tối các ngày từ 10/02 13/02/2026)	người/ca	20	200.000	6.000.000		6.000.000		4.000.000		4.000.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Bồi dưỡng ca trực ngoài giờ phục vụ trưng bày sách, báo, không gian phục vụ bạn đọc và tổ chức 02 hoạt động đọc sách, thực hành từ sách trong chương trình xuân: 03 người x 16 ca (dự kiến các ngày từ 14/02 đến 21/02/2026)	người/ca	8	200.000	2.400.000		2.400.000		1.600.000		1.600.000		
III	Thực hiện tiểu cảnh "Cung đường tri thức"				14.000.000	0	14.000.000		14.000.000	0	14.000.000		
1	Thiết kế, thi công, trang trí tiểu cảnh Cung đường tri thức	gói	1	14.000.000	14.000.000		14.000.000		14.000.000		14.000.000		
IV	Thi đấu cờ vua vận động				15.200.000	0	15.200.000		15.180.000	0	15.180.000		
1	Ban giám khảo (chấm 02 ngày)												Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28/3/2025 của HĐND tỉnh
	Trưởng ban	ngày	2	210.000	420.000		420.000		420.000		420.000		
	Phó trưởng ban	ngày	2	180.000	360.000		360.000		360.000		360.000		
	Thành viên	ngày	2	150.000	300.000		300.000		300.000		300.000		
	Thư ký	ngày	2	150.000	300.000		300.000		300.000		300.000		
2	Giải thưởng (tập thể)												
	Giải Nhất: 01 giải x 2 bảng	giải	2	800.000	1.600.000		1.600.000		1.600.000		1.600.000		
	Giải Nhì: 01 giải x 2 bảng	giải	2	700.000	1.400.000		1.400.000		1.400.000		1.400.000		
	Giải Ba: 01 giải x 2 bảng	giải	2	600.000	1.200.000		1.200.000		1.200.000		1.200.000		
	Giải KK: 01 giải x 2 bảng	giải	2	500.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		
3	Giấy khen + khung	cái	8	55.000	440.000		440.000		440.000		440.000		
4	Thực hiện bộ bàn cờ vua vận động (bàn cờ + quân cờ)	bàn	1	6.100.000	6.100.000		6.100.000		6.080.000		6.080.000		Bảo giá
5	In phông Khai mạc và tổng kết Hội thi	cái	2	800.000	1.600.000		1.600.000		1.600.000		1.600.000		Bảo giá
6	Nước uống khai mạc và tổng kết Hội thi (dự kiến 130 người)	thùng	6	80.000	480.000		480.000		480.000		480.000		
B.5	BAN QUẢN LÝ DI TÍCH				339.450.000	304.750.000	34.700.000	0	319.450.000	272.150.000	47.300.000	0	
1	KHU DI TÍCH GÒ THÁP				46.500.000	46.500.000	0		46.500.000	38.500.000	8.000.000		
1.1	Hoạt động chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2026)				8.000.000	8.000.000	0		8.000.000	0	8.000.000		
1	Thuê mướn nhân công dọn cỏ, rong mé nhánh cây, cắt cỏ trên tuyến đường chính vào Khu Di tích, xung quanh các cơ sở thờ tự và Nhà trưng bày Xứ ủy Nam bộ và Văn hóa Óc Eo, đồng thời chăm sóc cây kiểng và các ao sen trong Khu Di tích	Ngày	25	300.000	7.500.000	7.500.000			7.500.000	0	7.500.000		
2	- In băng ron chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	Băng ron	1	500.000	500.000	500.000			500.000	0	500.000		
3	- Chiếu phim tư liệu giới thiệu về Khu Di tích Gò Tháp.						0				0		Đơn vị sẵn có
1.2	Hoạt động mừng Xuân Bình Ngô năm 2026				38.500.000	38.500.000	0		38.500.000	38.500.000	0		
1	Treo băng ron mừng xuân Bình Ngô năm 2026	Băng ron	1	500.000	500.000	500.000			500.000	500.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Mua hoa tươi để trang trí tại trụ sở làm việc, quầy hướng dẫn, nhà trưng bày hiện vật, Khu tiểu cảnh (vạn thọ, hướng dương, cúc, hồng...).	chậu	200	50.000	10.000.000	10.000.000			10.000.000	10.000.000			
3	Trang trí Khu tiểu cảnh gồm có: công, lồng đèn, nhà lá, phong trang trí, cành mai, nón lá, cây lộc, bộ bình trà, bánh tét, rom cuộn, cứt củi, xề....	Tiểu cảnh	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000			15.000.000	15.000.000			
4	Tổ chức hoạt động “Gò Tháp - Vui Tết cổ truyền, gìn giữ cội nguồn” gắn với hoạt động tuyên truyền lịch sử địa phương.	Hoạt động	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000			10.000.000	10.000.000			
5	Tổ chức cuộc thi “Gò Tháp – Sắc xuân và di sản”	Cuộc thi	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
II	KHU DI TÍCH NGUYỄN SINH SẮC				107.850.000	107.850.000	0		87.850.000	87.850.000	0		
1	Chi hỗ trợ (nước uống, ăn trưa) cho lượng lực chăm sóc di tích: Trung đoàn 320, Trung đoàn 9; học sinh các Trường Đại học, Cao đẳng ...: 04 ngày	Ngày	4	2.500.000	10.000.000	10.000.000			10.000.000	10.000.000			
2	Trung bày triển lãm 03 bộ ảnh:					0				0			
	- Tết Việt xưa và Nay					0				0			
	- Từ Làng sen đến Hòa An – Cao Lãnh					0				0			
	- 96 năm Đảng cộng sản Việt Nam					0				0			
2.1	Mua vật tư trưng bày triển lãm 115 ảnh (mua dây chì, ốc vít, ...)	Gói	1	300.000	300.000	300.000			300.000	300.000			
2.2	Thuê nhân công khuôn vác chân ảnh, ảnh ra khu vực trưng bày (1 lượt ra và 1 lượt vô)	Ngày	5	300.000	1.500.000	1.500.000			1.500.000	1.500.000			
2.3	In 3 câu chủ đề của 03 bộ ảnh (110 x 90 x 3 ảnh)	Tấm	3	350.000	1.050.000	1.050.000			1.050.000	1.050.000			
3	Treo băng ron và cờ kỷ niệm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2026) và mừng Xuân Bình Ngo năm 2026”.	Băng ron	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000			5.000.000	5.000.000			
4	Mua quà tổ chức hoạt động: Mùa xuân và Những câu chuyện về Bác Hồ, Hoạt động triển lãm online: Bộ ảnh “Hồ chí Minh – Những nét Phát họa chân dung” và Bộ ảnh “Tết Việt xưa và nay”	Phần	10	100.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
	Mua quà tổ chức cuộc thi trực tuyến: Truy tìm mảnh ghép	Phần	20	100.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			
5	Hoạt động chiếu phim tư liệu về cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quảng trường tượng Cụ (nước uống; bàn ghế trong 3 ngày)	suất chiếu	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			
6	Thăm, chúc Tết các gia đình nhân chứng, gia đình có công với Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, các đơn vị kết nghĩa với Di tích Mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc	phần	1	20.000.000	20.000.000	20.000.000			0	0			
7	Mua hoa trang trí tại các điểm: Mộ và Đền thờ Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Nhà Lưu niệm, Không gian Văn hóa Hồ Chí Minh, Mộ Nhà Sàn Bắc Hồ, Văn phòng Ban Quản lý di tích tại Khu Di tích; các nhà di tích và nhà gỗ truyền thống tại Làng Hòa An Xưa; các cổng Khu Di tích	Chậu	800	50.000	40.000.000	40.000.000			40.000.000	40.000.000			
8	Trang trí tiểu cảnh phục vụ khách tham quan vui xuân, đón Tết	Tiểu cảnh	2	10.000.000	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Tổ chức hoạt động trải nghiệm nông nghiệp tại Làng Hòa An xưa (mua vật tư, mua quà,)	hoạt động	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000			5.000.000	5.000.000			
III	KHU DI TÍCH XÈO QUÍT				35.400.000	35.400.000	0		35.400.000	30.800.000	4.600.000		
I.1	Hoạt động chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2026)				4.600.000	4.600.000	0		4.600.000	0	4.600.000		
1	Thuê mướn nhân công vệ sinh khu viên khu di tích (rong mé nhánh cây, cắt cỏ tuyến đường bộ, lau chùi các pano đèn bốt, bảng công nhận, sơ đồ tham quan di tích, các bảng chú thích, xử lý rong tuyến đường bộ...).	Ngày	7	300.000	2.100.000	2.100.000			2.100.000	0	2.100.000		
2	In băng ron chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt NamMua cờ, cần cở phướn trang trí lồng vào khu vực 1 di tích, khu vực trước nhà trưng bày, trụ sở làm việc: 01 băng ron, 20 lá cờ phướn và 20 cần cở	Băng rôn, cờ	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000			2.500.000	0	2.500.000		
I.2	Hoạt động mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026				30.800.000	30.800.000	0		30.800.000	30.800.000	0		
1	Treo băng rôn mừng xuân Bính Ngọ năm 2026	Băng rôn	1	500000	500.000	500.000			500.000	500.000			
2	Trưng bày, triển lãm ảnh chuyên đề “Khu Di tích Xẻo Quít – Bảo tồn lịch sử, gìn giữ hồn quê”.				0	0			0	0			
-	Thuê nhân công khuôn vác chân ảnh, ảnh ra khu vực trưng bày (1 lượt ra và 1 lượt vào)	Ngày	10	300.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
-	Chi mua vật tư (dây chì, dây rút, ốc vít): 300.000đ	Khoán	1	300000	300.000	300.000			300.000	300.000			
3	Tổ chức chương trình tham quan, trải nghiệm thực tế và trả lời câu hỏi tìm hiểu về lịch sử căn cứ Xẻo Quít (có thưởng).		1	1000000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
-	Đặt in băng ron trải nghiệm	Băng rôn	1	500.000	500.000	500.000			500.000	500.000			
-	Mua quà tặng	Phấn	10	50.000	500.000	500.000			500.000	500.000			
4	Mua hoa tươi để trang trí tại 9 ngôi nhà di tích, trụ sở làm việc, quầy hướng dẫn, nhà trưng bày hiện vật (vạn thọ, hướng dương, cúc, hồng...).	Chậu	100	50.000	5.000.000	5.000.000			5.000.000	5.000.000			
5	Bố trí, trang trí 02 cụm tiểu cảnh gồm có: giả mái nhà lá, phong trang trí, cành mai, nón lá, bộ bàn tre, bộ bình trà, mô hình bánh tét, rơm cuộn, bông nồi nấu, bếp, củi, xẻ....	Tiểu cảnh	2	10.000.000	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000			
IV	DI TÍCH CHIẾN THẮNG RẠCH GẦM- XOÀI MỨT				9.300.000	0	9.300.000		9.300.000	0	9.300.000		
-	Hoạt động chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2026)				2.200.000	0	2.200.000		2.200.000	0	2.200.000		
1	Treo băng ron (bao gồm khung sắt, in thiết kế và lắp đặt)	Cái	1	1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		
2	Thuê mướn nhân công tổng vệ sinh (làm cỏ, kiếng, vệ sinh lau chùi nhà cổ Nam Bộ, tủ, bàn, ván ngựa, lam, liễn ...	Ngày	4	300.000	1.200.000		1.200.000		1.200.000		1.200.000		
-	Hoạt động mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026				7.100.000	0	7.100.000		7.100.000	0	7.100.000		
1	Treo băng ron mừng xuân Bính Ngọ năm 2026	Băng ron	1	700.000	700.000		700.000		700.000		700.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Thuê vườn nhân công tổng vệ sinh; Chính trang cỏ, kiếng, vệ sinh bụi nhà cô Nam Bộ, tủ, bàn, ván ngựa, lam, liễn..	Ngày	4	300.000	1.200.000		1.200.000		1.200.000		1.200.000		
3	Mua hoa tươi, trái cây, nhang, bánh ngọt trên bàn thờ nhà cô.	Khoán	1	1000000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		
4	Mua hoa tươi như vạn thọ, cúc trang trí khuôn viên di tích như Tượng đài, nhà trưng bày nhà cô, công chính	Chậu	50	70.000	3.500.000		3.500.000		3.500.000		3.500.000		
5	Mua trà, bánh mứt tiếp khách và phục vụ viên chức và người lao động trực những ngày tết	Khoán	1	700000	700.000		700.000		700.000		700.000		
V	DI TÍCH CHIẾN THẮNG ẤP BẠC				11.400.000	0	11.400.000		11.400.000	0	11.400.000		
-	Hoạt động chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2026)				1.400.000	0	1.400.000		1.400.000	0	1.400.000		
1	Treo băng ron (bao gồm khung sắt, in thiết kế và lắp đặt)	Băng ron	1	1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		
2	Mua 2 lá cờ Tổ Quốc	Cờ	2	200.000	400.000		400.000		400.000		400.000		
-	Hoạt động mừng Xuân Bình Ngọc năm 2026				10.000.000	0	10.000.000		10.000.000	0	10.000.000		
1	Treo băng ron mừng xuân Bình Ngọc năm 2026	Băng ron	1	700.000	700.000		700.000		700.000		700.000		
2	Thuê nhân công tổng vệ sinh toàn khu di tích (Chính trang cây cảnh, cắt, tỉa nhỏ cỏ dai...).	Ngày	8	200.000	1.600.000		1.600.000		1.600.000		1.600.000		
3	Mua hoa tươi, trái cây, nhang, bánh ngọt trên bàn thờ lớn, bàn thờ nhỏ	Khoán	1	4500000	4.500.000		4.500.000		4.500.000		4.500.000		
4	Mua hoa tươi trang trí khu di tích (mộ 3 chiến sĩ gang thép ,khu tái hiện ,nhà trưng bày,mộ Ông Lân Ông Tiếp.	Chậu	40	70.000	2.800.000		2.800.000		2.800.000		2.800.000		
5	Mua trà, bánh mứt tiếp khách và phục vụ viên chức và người lao động trực những ngày tết	Khoán	1	400.000	400.000		400.000		400.000		400.000		
VI	DI TÍCH KHẢO CỔ GÒ THÀNH				5.900.000	0	5.900.000		5.900.000	0	5.900.000		
-	Hoạt động chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2026)				2.050.000	0	2.050.000		2.050.000	0	2.050.000		
1	Treo băng ron (bao gồm khung sắt, in bạt và lắp đặt)	Băng ron	1	1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		
2	Trang trí cờ phướn: 17 cờ	Cờ	17	50.000	850.000		850.000		850.000		850.000		
3	Treo cờ Tổ Quốc	Cờ	1	200.000	200.000		200.000		200.000		200.000		
-	Hoạt động mừng Xuân Bình Ngọc năm 2026				3.850.000	0	3.850.000		3.850.000	0	3.850.000		
1	Tổng vệ sinh khuôn viên (làm cỏ, quét, ...)	Ngày	3	250.000	750.000		750.000		750.000		750.000		
2	Treo băng ron chào xuân Bình Ngọc năm 2026	Băng ron	1	700.000	700.000		700.000		700.000		700.000		
3	Mua hoa tươi trang trí trước nhà Trưng bày, nhà mái che	Chậu	20	120.000	2.400.000		2.400.000		2.400.000		2.400.000		
VII	DI TÍCH NAM KỲ KHÔI NGHĨA				8.100.000	0	8.100.000		8.100.000	0	8.100.000		
-	Hoạt động chào mừng Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2026)				1.000.000	0	1.000.000		1.000.000	0	1.000.000		
1	Treo băng ron (bao khung sắt, thiết kế, in và lắp đặt).	Băng ron	1	1.000.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Hoạt động mừng Xuân Bình Ngô năm 2026				7.100.000	0	7.100.000		7.100.000	0	7.100.000		
1	Tổng vệ sinh khuôn viên di tích (lặt lá mai, quét dọn lau chùi cửa nhà trưng bày, ...).	Ngày	10	250.000	2.500.000		2.500.000		2.500.000		2.500.000		
2	Treo băng ron chào Xuân Bình Ngô năm 2026.	Băng ron	1	700.000	700.000		700.000		700.000		700.000		
3	Hoa tươi, trái cây (bàn thờ Bà Thập, Đình Long Hưng, nhà bia Liệt sĩ xã Long Hưng).	Khoán	1	1.500.000	1.500.000		1.500.000		1.500.000		1.500.000		
4	Mua hoa trang trí trước nhà thờ Bà Thập, nhà Trưng bày	Chậu	20	120.000	2.400.000		2.400.000		2.400.000		2.400.000		
VIII	CÁC ĐIỂM DI TÍCH KHÔI NGHĨA TRƯỞNG ĐỊNH				115.000.000	115.000.000	0		115.000.000	115.000.000	0		
1	Mua hoa trang trí tại các điểm: Lăng mộ và Đền thờ Trương Định (Phường Gò Công), Đền thờ Trương Định (xã Gia Thuận).	Chậu	1.000	50.000	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000			
2	Trang trí tiểu cảnh tại khuôn viên đền thờ Trương Định (xã Gia Thuận)	Tiểu cảnh	1	65.000.000	65.000.000	65.000.000			65.000.000	65.000.000			
B.6	BẢO TÀNG				156.900.000	27.900.000	129.000.000	0	156.900.000	27.900.000	129.000.000	0	
I	TRƯNG BÀY ẢNH ĐẸP ĐỒNG THÁP (Từ ngày 13/02/2026 đến ngày 21/02/2026 (nhằm ngày 26 tháng Chạp đến ngày mừng 5 Tết) tại Quảng trường Hùng Vương.				27.900.000	27.900.000	0	0	27.900.000	27.900.000	0	0	
1	Rửa ảnh kỹ thuật số fomex (60cm x 90cm)	Công	50	330.000	16.500.000	16.500.000			16.500.000	16.500.000			
2	Hỗ trợ viên chức Trưng trưng bày (02 người x 9 ngày)	công	18	300.000	5.400.000	5.400.000			5.400.000	5.400.000			
3	Xe chở giá ảnh, vật tư trưng bày từ Bảo tàng (Phường Mỹ Tho đến Quảng Trường Hùng Vương) và ngược lại	chuyển	2	1.500.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
4	Công khiêng giá ảnh tại Bảo tàng (Phường Mỹ Tho) và Quảng Trường Hùng Vương đi và về	gói	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			
5	Vật tư trưng bày		1	1.000.000	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000			
II	TRANG TRÍ TẾT VÀ TRƯNG BÀY PHỤC VỤ TÔ CHỨC HỢP MẶT KỶ NIỆM 96 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3/02/1930 - 3/02/2026) Tại Bảo tàng 2 cơ sở.				129.000.000	0	129.000.000		129.000.000	0	129.000.000		
1	Trang trí Tết tại Bảo tàng, phía trước 03 Nhà Trưng bày và khu hành chính (trang bị cơ sở 1)				31.390.000	0	31.390.000		31.390.000	0	31.390.000		
1.1	Trang trí Tết tại Bảo tàng (trang bị cơ sở 1)				24.600.000	0	24.600.000		24.600.000	0	24.600.000		
	Hoa Vạn Thọ	Chậu	50	75.000	3.750.000		3.750.000		3.750.000		3.750.000		
	Hoa Cúc vàng cao	Chậu	50	85.000	4.250.000		4.250.000		4.250.000		4.250.000		
	Hoa Mào gà búa tầng (đỏ)	Chậu	50	75.000	3.750.000		3.750.000		3.750.000		3.750.000		
	Hoa + mâm ngũ quả chưng trên Bàn thờ Gia Tiên (từ 28 tết đến mừng 4 tết; mừng 7 Tết)	Lần	2	2.200.000	4.400.000		4.400.000		4.400.000		4.400.000		
	Hoa + mâm ngũ quả chưng trên Bàn thờ Hùng Vương tại sảnh chính Nhà trưng bày số 1 (từ 28 tết đến mừng 4 tết; mừng 7 Tết)	Lần	2	3.600.000	7.200.000		7.200.000		7.200.000		7.200.000		
	Mua bánh ít, bánh chưng cúng bàn thờ Hùng Vương (ngày mừng 7 Tết)	cái	100	10.000	1.000.000		1.000.000		1.000.000		1.000.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Mua nhang lớn, nhỏ, đèn cây (phục vụ ngày mừng 7)	Khoán	1	250.000	250.000		250.000		250.000		250.000		
1.2	Chi phí mua cờ các loại, băng rôn tuyên truyền				6.790.000	0	6.790.000	0	6.790.000	0	6.790.000	0	
	In băng rôn "Tết Nguyên đán Bình Ngo năm 2026" và "Kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 03/02/1930 – 03/02/2026". (02 cơ sở)	Mét	9,8	150.000	1.470.000		1.470.000		1.470.000		1.470.000		
	Cờ phướn kích thước 0,6m x 1,4m (trang bị 02 cơ sở)	Lá	100	50.000	5.000.000		5.000.000		5.000.000		5.000.000		
	Cờ Đảng, Cờ nước (kích thước 120 x 180cm) (trang bị 02 cơ sở)	Lá	4	80.000	320.000		320.000		320.000		320.000		
2	Trung bày tại cơ sở 1				12.310.000	0	12.310.000		12.310.000	0	12.310.000		
2.1	Trung bày chuyên đề " Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng và chỉnh đốn đảng (phục kỷ niệm 96 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2/1930-3/2/2026)				7.180.000	0	7.180.000		7.180.000	0	7.180.000		
	In ảnh PP trên fomex (kích thước: 50cm x 70m)	Ảnh	20	270.000	5.400.000		5.400.000		5.400.000		5.400.000		
	Bảng giới thiệu Hiflex (2,5m x 2,0m x 1 bảng)	m2	5	216.000	1.080.000		1.080.000		1.080.000		1.080.000		
	Vật tư trưng bày		1	700.000	700.000		700.000		700.000		700.000		
2.2	Trung bày chuyên đề " Sắc sen" (phục vụ tết Nguyên Đán, năm 2026)				5.130.000	0	5.130.000		5.130.000	0	5.130.000		
	In ảnh PP trên fomex (kích thước: 50cm x70cm)	Ảnh	15	270.000	4.050.000		4.050.000		4.050.000		4.050.000		
	Bảng giới thiệu Hiflex, (2,5m x 2,0m x 1 bảng)	m2	5	216.000	1.080.000		1.080.000		1.080.000		1.080.000		
3	Hoạt động phục vụ kỷ niệm 96 năm ngày thành lập Đảng 03/02/1930 - 03/02/2026 và trang trí Tết Nguyên đán Bình Ngo năm 2026 (trang bị tại cơ sở 2)				85.300.000	0	85.300.000		85.300.000	0	85.300.000		
3.1	Hoạt động Tổ chức hoạt động trải nghiệm, chủ đề: “Ngày Tết cổ truyền dân tộc” và Triển lãm ảnh "tên gọi và bút danh Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động cách mạng, ngày 03/02/2026. (Phối hợp đoàn phường Cao Lãnh, trải nghiệm làng nghề truyền thống “Nghề Làm Nem Lai Vung” và Nướng bánh trắng)				12.200.000	0	12.200.000		12.200.000	0	12.200.000		
	- Hợp đồng chi phí đi lại, ăn, nghỉ và nguyên liệu cho người trình diễn nghề làm Nem Lai Vung	Khoán	1	6.500.000	6.500.000		6.500.000		6.500.000		6.500.000		
	- Hợp đồng chi phí đi lại, ăn, nghỉ và nguyên liệu cho trải nghiệm nướng bánh trắng	Khoán	1	4.500.000	4.500.000		4.500.000		4.500.000		4.500.000		
	- Pano khung sắt Hamlet giới thiệu làng nghề 2m x 3m	cái	2	600.000	1.200.000		1.200.000		1.200.000		1.200.000		
3.2	Hoạt động trưng bày Tết 2026 cơ sở 2				73.100.000	0	73.100.000		73.100.000	0	73.100.000		
3.2.1	Chỉnh trang khuôn viên, cây kiểng, trang trí cờ, hoa và các tiểu cảnh				0				0				
*	- Mua hoa, kiểng trang trí các cụm tiểu cảnh				0				0				
	Cúc mâm xôi	Chậu	70	250.000	17.500.000		17.500.000		17.500.000		17.500.000		
	Trạng nguyên	Chậu	65	120.000	7.800.000		7.800.000		7.800.000		7.800.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Hoa màu gà	Chậu	80	75.000	6.000.000		6.000.000		6.000.000		6.000.000		
	Vạn thọ	Chậu	80	75.000	6.000.000		6.000.000		6.000.000		6.000.000		
	Cúc Đại đoá	Chậu	50	150.000	7.500.000		7.500.000		7.500.000		7.500.000		
	Hoa Hướng dương	Chậu	40	250.000	10.000.000		10.000.000		10.000.000		10.000.000		
*	Thiết kế, In hi-lết cổng chào, khung sắt, Format (Bao gồm băng rol, Pano,...) (KT Cao 400cm x Rộng 600cm)	Trọn gói	1	11.000.000	11.000.000		11.000.000		11.000.000		11.000.000		
*	Mua dây điện (cuộn 100m)	Cuộn	1	1.800.000	1.800.000		1.800.000		1.800.000		1.800.000		
*	Bóng đèn tròn led	Bóng	10	110.000	1.100.000		1.100.000		1.100.000		1.100.000		
3.2.2	Trưng bày ảnh tại Đình Quận (Ảnh Cao Lãnh xưa) và 1 pano 4m x 6m. (12 ảnh)				0				0				
	Pano hamlet giới thiệu 4m x 6m	bảng	1	2.400.000	2.400.000		2.400.000		2.400.000		2.400.000		
	Vật tư thực hiện trưng bày: dây chỉ, ốc vít...	Khoán	1	2.000.000	2.000.000		2.000.000		2.000.000		2.000.000		
B.7	TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU THỂ THAO				173.560.000	173.560.000	0	0	173.560.000	173.560.000	0	0	
1	BIỂU DIỄN LÂN SƯ RỒNG				87.210.000	87.210.000	0	0	87.210.000	87.210.000	0	0	
1	Backdrop chính: hiflex in KTS, khung sắt. KT 8m * 4m	mét	32	200.000	6.400.000	6.400.000			6.400.000	6.400.000			Bảo giá
2	Giàn giáo, bao tải chịu lực	trọn gói	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
3	Nhân công thi công	trọn gói	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			
4	Bồi dưỡng Ban tổ chức: 6 người * 1 ngày	ngày	6	80.000	480.000	480.000			480.000	480.000			NQ số 33/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh
5	Tiền ăn Ban tổ chức: 6 người * 3 ngày	ngày	18	150.000	2.700.000	2.700.000			2.700.000	2.700.000			
6	Tiền giám sát điều hành: 4 người * 2 buổi	buổi	8	60.000	480.000	480.000			480.000	480.000			
7	Tiền ăn giám sát điều hành: 4 người * 3 ngày	ngày	12	150.000	1.800.000	1.800.000			1.800.000	1.800.000			
8	Cờ lưu niệm	lá	6	100.000	600.000	600.000			600.000	600.000			
9	Bảng tên	bảng	6	80.000	480.000	480.000			480.000	480.000			
10	Nước uống Ban tổ chức, Đại biểu ...	thùng	10	65.000	650.000	650.000			650.000	650.000			
11	Thuê xe chở bàn ghế BTC, TT từ Trung tâm đi Quảng trường và ngược lại	chuyến	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000			2.500.000	2.500.000			Bảo giá
12	Thuê người ngoài vệ sinh trước trong và sau hội diễn: 4 người * 2 ngày	ngày	8	200.000	1.600.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000			
13	Thuê người ngoài vận chuyển và sắp xếp bàn ghế trước - sau phục vụ hội diễn: 6 người * 2 buổi	buổi	12	200.000	2.400.000	2.400.000			2.400.000	2.400.000			
14	Tổ Công an - Y tế: 12 người * 2 buổi	tổ	24	45.000	1.080.000	1.080.000			1.080.000	1.080.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 6 người * 2 buổi	buổi	12	45.000	540.000	540.000			540.000	540.000			
16	Văn phòng phẩm, photo biên bản thi đấu	trọn gói	1	500.000	500.000	500.000			500.000	500.000			
17	Thuê xe di chuyển các đội từ địa phương đến địa điểm thi đấu và ngược lại (Một đội 2 xe: 01xe chở vận động viên 29 chỗ và 01 xe tải chở dụng cụ).	đội	6	10.000.000	60.000.000	60.000.000			60.000.000	60.000.000			
II	BIỂU ĐIỀU VỞ THUẬT VỞ CỔ TRUYỀN				47.290.000	47.290.000	0		47.290.000	47.290.000	0		
1	Backdrop chính: hiflex in KTS, khung sắt. KT:8m * 4m	mét	32	200.000	6.400.000	6.400.000			6.400.000	6.400.000			Bảo giá
2	Giàn giáo, bao tải chịu lực	trọn gói	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
3	Nhân công thi công	trọn gói	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			
4	Bồi dưỡng Ban tổ chức: 6 người * 1 ngày	ngày	6	80.000	480.000	480.000			480.000	480.000			NQ số 33/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh
5	Tiền ăn Ban tổ chức: 6 người * 3 ngày	ngày	18	150.000	2.700.000	2.700.000			2.700.000	2.700.000			
6	Tiền giám sát, điều hành: 4 người * 2 buổi	ngày	8	60.000	480.000	480.000			480.000	480.000			
7	Tiền ăn giám, sát điều hành: 4 người * 3 ngày	ngày	12	150.000	1.800.000	1.800.000			1.800.000	1.800.000			
8	Cờ lưu niệm	lá	12	100.000	1.200.000	1.200.000			1.200.000	1.200.000			
9	Bảng tên	bảng	12	80.000	960.000	960.000			960.000	960.000			
10	Nước uống Ban tổ chức, Đại biểu ...	thùng	10	65.000	650.000	650.000			650.000	650.000			
11	Thuê xe chở thăm, bàn ghế từ Trung tâm đi Quảng trường và ngược lại	chuyến	1	3.500.000	3.500.000	3.500.000			3.500.000	3.500.000			Bảo giá
12	Thuê người ngoài vệ sinh trước trong và sau hội diễn: 4 người * 2 buổi	buổi	8	200.000	1.600.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000			
13	Thuê người ngoài vận chuyển và sắp xếp bàn ghế trước - sau phục vụ hội diễn: 6 người * 2 buổi	buổi	12	200.000	2.400.000	2.400.000			2.400.000	2.400.000			
14	Tổ Y tế (6) - Công an (6): 12 người * 2 buổi	buổi	24	45.000	1.080.000	1.080.000			1.080.000	1.080.000			
15	Bồi dưỡng nhân viên phục vụ: 6 người * 2 buổi	buổi	12	45.000	540.000	540.000			540.000	540.000			
16	Văn phòng phẩm, photo biên bản thi đấu	gói	1	500.000	500.000	500.000			500.000	500.000			
17	Xe đưa đón các đội từ địa phương đến địa điểm thi đấu và ngược lại	đội	6	3.000.000	18.000.000	18.000.000			18.000.000	18.000.000			
III	BIỂU DIỄN CỜ NGƯỜI				39.060.000	39.060.000	0		39.060.000	39.060.000	0		
1	Backdrop chính: hiflex in KTS, khung sắt. KT 8m * 4m	mét	32	200.000	6.400.000	6.400.000			6.400.000	6.400.000			Bảo giá
2	Giàn giáo, bao tải chịu lực	trọn gói	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000	3.000.000			
3	Nhân công thi công	trọn gói	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000			2.000.000	2.000.000			
4	Bồi dưỡng Ban tổ chức: 6 người * 1 ngày	ngày	6	80.000	480.000	480.000			480.000	480.000			NQ số 33/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND tỉnh
5	Tiền ăn Ban tổ chức: 6 người * 3 ngày	ngày	18	150.000	2.700.000	2.700.000			2.700.000	2.700.000			
6	Tiền giám sát điều hành: 10 người * 2 buổi	buổi	20	60.000	1.200.000	1.200.000			1.200.000	1.200.000			
7	Tiền ăn giám sát điều hành: 10 người * 3 ngày	ngày	30	150.000	4.500.000	4.500.000			4.500.000	4.500.000			
8	Nước uống Ban tổ chức, Đại biểu ...	thùng	20	65.000	1.300.000	1.300.000			1.300.000	1.300.000			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Văn phòng phẩm, photo biên bản thi đấu	gói	1	500.000	500.000	500.000			500.000	500.000			
10	Thuê người ngoài vệ sinh trước trong và sau hội diễn: 4 người * 2 ngày	ngày	8	200.000	1.600.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000			
11	Thuê người ngoài vận chuyển và sắp xếp bàn ghế trước - sau phục vụ hội diễn: 6 người * 2 buổi	buổi	12	200.000	2.400.000	2.400.000			2.400.000	2.400.000			
12	Thuê xe đưa đón ĐVĐ, HLV từ phường Mỹ Trà đến phường Đạo Thạnh và ngược lại	lượt	2	2.500.000	5.000.000	5.000.000			5.000.000	5.000.000			Báo giá
13	Thuê xe chở thăm, bàn ghế từ Trung tâm đi Quảng trường và ngược lại	chuyến	1	3.500.000	3.500.000	3.500.000			3.500.000	3.500.000			
14	Tổ Công an (6), Y tế (06): 12 người * 2 buổi	buổi	24	45.000	1.080.000	1.080.000			1.080.000	1.080.000			
15	Thuê 06 bàn	cái	6	150.000	900.000	900.000			900.000	900.000			
16	Thuê 50 ghế ngồi và áo ghế	cái	50	50.000	2.500.000	2.500.000			2.500.000	2.500.000			
B.8	CÔNG AN TỈNH				192.047.420	192.047.420	0	0	19.217.628	19.217.628	0	0	
I	Bảo đảm An ninh trật tự các cuộc họp mặt đầu năm mới:				12.000.000	12.000.000			0	0			
I.1	Lãnh đạo tỉnh gặp mặt các cơ quan báo chí mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ 2026 (ngày 30/01/2026, tại Hội trường số 2, Trung tâm Hội nghị tỉnh thuộc phường Mỹ Tho				3.000.000	3.000.000			0	0			
1	Công an tỉnh: 20 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	20	100.000	2.000.000	2.000.000			0	0			
2	Công an phường Mỹ Tho (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 10 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	10	100.000	1.000.000	1.000.000			0	0			
I.2	Lãnh đạo tỉnh gặp mặt đại biểu trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ Xuân Bính Ngọ 2026 (ngày 06/02/2026, tại Hội trường Áp Bắc, Trung tâm Hội nghị tỉnh thuộc phường Mỹ Tho)				3.000.000	3.000.000			0	0			
1	Công an tỉnh: 20 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	20	100.000	2.000.000	2.000.000			0	0			
2	Công an phường Mỹ Tho (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 10 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	10	100.000	1.000.000	1.000.000			0	0			
I.3	Lãnh đạo tỉnh gặp mặt đại biểu chức sắc, chức việc tôn giáo và dân tộc Xuân Bính Ngọ 2026 (ngày 02/02/2026, tại Hội trường Sen Hồng, thuộc phường Cao Lãnh)				3.000.000	3.000.000			0	0			
1	Công an tỉnh: 20 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	20	100.000	2.000.000	2.000.000			0	0			
2	Công an phường Cao Lãnh (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 10 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	10	100.000	1.000.000	1.000.000			0	0			
I.4	Lãnh đạo tỉnh gặp mặt doanh nghiệp tiêu biểu; thanh niên khởi nghiệp tiêu biểu (ngày 10/02/2026, tại Hội trường Sen Hồng, thuộc phường Cao Lãnh):				3.000.000	3.000.000			0	0			
1	Công an tỉnh: 20 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	20	100.000	2.000.000	2.000.000			0	0			
2	Công an phường Cao Lãnh (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 10 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	10	100.000	1.000.000	1.000.000			0	0			
II	Tổ chức Chợ hoa và Đường hoa Xuân Bính Ngọ 2026 (tại 03 địa điểm: Quảng trường Hùng Vương thuộc phường Đạo Thạnh; các tuyến đường chính thuộc phường Mỹ Trà và đường Lý Thường Kiệt, phường Cao Lãnh):				102.000.000	102.000.000			0	0			
II.1	Tổ chức các địa điểm thuộc phường Đạo Thạnh (tổ chức Chợ hoa, Đường hoa: 15 ngày, từ ngày 07/02 đến ngày 21/02/2026, tại Quảng trường Hùng Vương)				45.000.000	45.000.000			0	0			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Công an tỉnh: 10 đồng chí x 15 ngày x 100.000đ	Ngày	150	100.000	15.000.000	15.000.000			0	0			
	Công an phường Đạo Thạnh (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 20 đồng chí x 15 ngày x 100.000đ	Ngày	300	100.000	30.000.000	30.000.000			0	0			
II.2	Tổ chức các địa điểm thuộc phường Cao Lãnh (tổ chức Đường hoa: 09 ngày, từ ngày 13/02 đến ngày 21/02/2026, tại tuyến đường Lý Thường Kiệt):				27.000.000	27.000.000			0	0			
	Công an tỉnh: 10 đồng chí x 09 ngày x 100.000đ	Ngày	90	100.000	9.000.000	9.000.000			0	0			
	Công an phường Cao Lãnh (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 20 đồng chí x 09 ngày x 100.000đ	Ngày	180	100.000	18.000.000	18.000.000			0	0			
II.3	Tổ chức các địa điểm thuộc phường Mỹ Trà (tổ chức Chợ hoa: 10 ngày, từ ngày 07/02 đến ngày 16/02/2026, tại các tuyến đường chính thuộc phường Mỹ Trà):				30.000.000	30.000.000			0	0			
	Công an tỉnh: 10 đồng chí x 10 ngày x 100.000đ	Ngày	100	100.000	10.000.000	10.000.000			0	0			
	Công an phường Mỹ Trà (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 20 đồng chí x 10 ngày x 100.000đ	Ngày	200	100.000	20.000.000	20.000.000			0	0			
III	Lễ Khai mạc Đường hoa Xuân Bình Ngộ 2026 (ngày 13/02/2026, tại Quảng trường Hùng Vương thuộc phường Đạo Thạnh và tuyến đường Lý Thường Kiệt thuộc phường Cao Lãnh):				14.000.000	14.000.000			0	0			
III.1	Tại Quảng trường Hùng Vương thuộc phường Đạo Thạnh				7.000.000	7.000.000			0	0			
	Công an tỉnh: 40 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	40	100.000	4.000.000	4.000.000			0	0			
	Quân sự tỉnh: 10 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	10	100.000	1.000.000	1.000.000			0	0			
	Công an phường Đạo Thạnh (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 20 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	20	100.000	2.000.000	2.000.000			0	0			
III.2	Tại tuyến đường Lý Thường Kiệt, thuộc phường Cao Lãnh				7.000.000	7.000.000			0	0			
	Công an tỉnh: 40 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	40	100.000	4.000.000	4.000.000			0	0			
	Quân sự tỉnh: 10 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	10	100.000	1.000.000	1.000.000			0	0			
	Công an phường Cao Lãnh (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 20 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	20	100.000	2.000.000	2.000.000			0	0			
IV	Chương trình nghệ thuật chào mừng năm mới và bắn pháo hoa (ngày 16/02/2026):				45.000.000	45.000.000			0	0			
IV.1	Địa điểm chính tại Quảng trường Hùng Vương thuộc phường Đạo Thạnh:				18.000.000	18.000.000			0	0			
	Công an tỉnh: 90 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	90	100.000	9.000.000	9.000.000			0	0			
	Quân sự tỉnh: 40 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	40	100.000	4.000.000	4.000.000			0	0			
	Công an phường Đạo Thạnh (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 50 đồng chí x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	50	100.000	5.000.000	5.000.000			0	0			
IV.2	Tại các điểm cầu trực tuyến:				27.000.000	27.000.000			0	0			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Công an tỉnh: 40 đồng chí x 03 điểm cầu x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	120	100.000	12.000.000	12.000.000			0	0			
2	Quân sự tỉnh: 20 đồng chí x 03 điểm cầu x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	60	100.000	6.000.000	6.000.000			0	0			
3	Công an các phường thực hiện điểm cầu trực tuyến (lực lượng Công an phường và lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở): 30 đồng chí x 03 điểm cầu x 01 ngày x 100.000đ	Ngày	90	100.000	9.000.000	9.000.000			0	0			
V	Kinh phí nhiên liệu phục vụ công tác TTKS, bảo đảm ANTT, dẫn đường các hoạt động kỷ niệm và mừng Xuân				19.047.420	19.047.420			19.217.628	19.217.628			
V.1	Các đơn vị trực thuộc Công an tỉnh:				11.112.000	11.112.000			11.224.800	11.224.800			
1	Xe ô tô, mô tô phục vụ công tác bảo đảm ANTT, TTCC, TTATGT, dẫn đường: 300 lít xăng A95-III x 18.880đ/lít	Lít	300	18.880	5.658.000	5.658.000			5.664.000	5.664.000			
2	Xe phòng cháy, chữa cháy: 150 lít dầu x 18.450đ/lít	Lít	150	18.450	2.701.500	2.701.500			2.767.500	2.767.500			
3	Xe chở quân: 90 lít dầu x 18.450đ/lít	Lít	90	18.450	1.620.900	1.620.900			1.660.500	1.660.500			
4	Xe ô tô phục vụ khảo sát, kiểm tra điều hành công tác bảo đảm ANTT: 60 lít xăng x 18.880đ/lít	Lít	60	18.880	1.131.600	1.131.600			1.132.800	1.132.800			
IV.2	Quân sự tỉnh (xe chở quân, kiểm soát quân sự):				6.524.500	6.524.500			6.569.300	6.569.300			
1	Xe chở quân: 90 lít dầu x 18.450đ/lít	Lít	90	18.450	1.620.900	1.620.900			1.660.500	1.660.500			
2	Xe mô tô, ô tô phối hợp TTKS bảo đảm ANTT các hoạt động của Lễ: 40 lít xăng A95-III x 18.880đ/lít	Lít	40	18.880	754.400	754.400			755.200	755.200			
3	Công an phường Mỹ Tho, phường Đạo Thạnh, phường Trung An, phường Cao Lãnh, phường Mỹ Trà, phường Sa Đéc, phường Hồng Ngự TTKS bảo đảm ANTT, TTCC, TTATGT các hoạt động kỷ niệm và mừng Xuân: 220 lít xăng A95-III x 18.860đ/lít	Lít	220	18.880	4.149.200	4.149.200			4.153.600	4.153.600			
IV.3	Thuế GTGT 8%	Gói	1	1.423.528	1.410.920	1.410.920			1.423.528	1.423.528			
B.9	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH (Kinh phí bắn pháo hoa tại Phường Đạo Thạnh: 700 quả bắn pháo nổ tầm cao kết hợp 120 giàn tầm thấp).				1.830.772.536	0	0	1.830.772.536	1.830.772.536	0	0	1.830.772.536	
I	Pháo hoa tầm cao		700		463.968.000	0	0	463.968.000	463.968.000	0	0	463.968.000	
1	Quả pháo số 4	Quả	300	483.840	145.152.000			145.152.000	145.152.000			145.152.000	
2	Quả pháo số 5	Quả	200	646.920	129.384.000			129.384.000	129.384.000			129.384.000	
3	Quả pháo số 6	Quả	200	947.160	189.432.000			189.432.000	189.432.000			189.432.000	
II	Pháo hoa tầm thấp	Giàn	120		466.969.536	0		466.969.536	466.969.536	0		466.969.536	
III	Chi phí thuê thiết bị				317.900.000	0	0	317.900.000	317.900.000	0	0	317.900.000	
1	Thiết bị L100S	Bộ	8	24.800.000	198.400.000			198.400.000	198.400.000			198.400.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị				Kinh phí Sở Tài chính đề xuất				Ghi chú
					Tổng cộng	Nguồn NSNN đề nghị cấp bổ sung	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	Tổng cộng	Nguồn ngân sách chi thường xuyên không gia tự chủ năm 2025 chuyển sang năm 2026	Nguồn kinh phí của đơn vị (địa phương)	Nguồn kinh phí xã hội hóa	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Chi phí thuê ống phóng + đồ gá	Ông	700	85.000	59.500.000			59.500.000	59.500.000			59.500.000	
3	Chi phí hỗ trợ kỹ thuật trình diễn	Cuộc	1	60.000.000	60.000.000			60.000.000	60.000.000			60.000.000	
IV	Kinh phí bảo đảm phục vụ bắn pháo hoa 700 quả pháo nổ tầm cao (theo Phụ lục Công văn số 2440/BCH-TM ngày 17/11/2025 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh)	Cuộc	1	400.570.000	400.570.000			400.570.000	400.570.000			400.570.000	
V	Kinh phí bảo đảm phục vụ bắn pháo hoa 120 giàn pháo hoa tầm thấp (theo Phụ lục Công văn số 2440/BCH-TM ngày 17/11/2025 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh)	Cuộc	1	181.365.000	181.365.000			181.365.000	181.365.000			181.365.000	
B.10	BẢO VÀ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH				434.945.675	434.945.675	0	0	434.945.675	434.945.675	0	0	
I	BÁO IN:				34.854.610	34.854.610			34.854.610	34.854.610			
1	Mua báo Xuân Đồng Tháp 2026 phục vụ các cuộc họp mặt mừng Đảng mừng xuân 2026	Cuốn	710	49.091	34.854.610	34.854.610			34.854.610	34.854.610			
II	TRUYỀN HÌNH:				400.091.065	400.091.065			400.091.065	400.091.065			
2.1	Truyền hình trực tiếp Chương trình nghệ thuật chào năm mới đêm giao thừa Xuân Bính Ngọ 2026 (tại Quảng trường Hùng Vương)	Phút	150	687.273	103.090.950	103.090.950			103.090.950	103.090.950			
2.2	Câu truyền hình trực tiếp Chương trình nghệ thuật chào năm mới đêm giao thừa Xuân Bính Ngọ 2026 (tại 04 điểm cầu còn lại) <i>*Giảm 30% chi phí phát sóng của truyền hình trực tiếp.</i>	Điểm cầu	4	72.163.665	288.654.660	288.654.660			288.654.660	288.654.660			
2.3	Người dẫn chương trình	MC	1	8.345.455	8.345.455	8.345.455			8.345.455	8.345.455			
B.11	SỞ Y TẾ				33.266.000	33.266.000	0	0	33.046.400	0	33.046.400	0	Sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ năm 2026 (nguồn sự nghiệp y tế) để thực hiện
1	Xăng xe, tiền tàu, xe: 60 lít/ngày x 06 ngày x 20.390đ/lít		360	20.390	7.560.000	7.560.000			7.340.400		7.340.400		
2	Phụ cấp công tác phí: 07 người x 06 ngày x 200.000đ/người/ngày		42	200.000	8.400.000	8.400.000			8.400.000		8.400.000		
3	Thuê phòng nghỉ: 07 người x 05 đêm x 350.000đ/người/đêm		35	350.000	12.250.000	12.250.000			12.250.000		12.250.000		
4	Phí BOT: 02 lượt x 02 ngày x 14.000đ/lượt		4	14.000	56.000	56.000			56.000		56.000		
5	Mua mẫu xét nghiệm: 10 mẫu x 80.000đ/mẫu		10	80.000	800.000	800.000			800.000		800.000		
6	Dụng cụ lấy mẫu: 10 bộ x 15.000đ/bộ		10	15.000	150.000	150.000			150.000		150.000		
7	Thuê xét nghiệm: 10 mẫu x 405.000đ/mẫu		10	405.000	4.050.000	4.050.000			4.050.000		4.050.000		
TỔNG CỘNG					23.649.213.316	20.904.435.340	914.005.440	1.830.772.536	23.382.140.539	20.597.341.238	954.026.765	1.830.772.536	